

BAN CHỈ ĐẠO CỔ PHẦN HÓA CÔNG TY TNHH MTV TỔNG CÔNG TY THIẾT BỊ Y TẾ VIỆT NAM VÀ CÔNG TY TNHH MTV TỔNG CÔNG TY THIẾT BỊ Y TẾ VIỆT NAM KHUYẾN NGHỊ CÁC NHÀ ĐẦU TƯ NÊN ĐỌC KỸ CÁC THÔNG TIN TRONG BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN NÀY VÀ QUY CHẾ BÁN ĐẦU GIÁ CỔ PHẦN TRƯỚC KHI THAM GIA ĐẦU GIÁ

BỘ Y TẾ
CÔNG TY TNHH MTV TỔNG CÔNG TY THIẾT BỊ Y TẾ VIỆT NAM

BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN
ĐẦU GIÁ BÁN CỔ PHẦN LẦN ĐẦU
CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN
TỔNG CÔNG TY THIẾT BỊ Y TẾ VIỆT NAM

VINAMED

Hà Nội, Tháng 03 năm 2016

MỤC LỤC

PHẦN I CƠ SỞ PHÁP LÝ	3
PHẦN II CÁC ĐƠN VỊ LIÊN QUAN ĐẾN ĐỢT ĐÁU GIÁ BÁN CỔ PHẦN LẦN ĐẦU.....	5
PHẦN III CÁC KHÁI NIỆM VÀ CHỮ VIẾT TẮT	6
PHẦN IV GIỚI THIỆU CHUNG VỀ DOANH NGHIỆP	7
I. TỔNG QUAN	7
1. Giới thiệu về Doanh nghiệp.....	7
2. Ngành nghề kinh doanh chính	7
3. Quá trình hình thành và phát triển	9
4. Cơ cấu tổ chức và quản lý	10
5. Danh sách những công ty mẹ, công ty con và công ty liên doanh liên kết	12
6. Thực trạng lao động.....	13
II. GIÁ TRỊ THỰC TẾ CỦA DOANH NGHIỆP VÀ GIÁ TRỊ THỰC TẾ PHẦN VỐN NHÀ NƯỚC TẠI DOANH NGHIỆP	14
1. Giá trị thực tế doanh nghiệp để cổ phần hóa	14
2. Tài sản cố định của doanh nghiệp	17
III. HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH 03 NĂM TRƯỚC CỔ PHẦN HÓA	20
1. Sản phẩm dịch vụ chủ yếu.....	20
2. Tình hình hoạt động SXKD.....	20
3. Tình hình tài chính và kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong 03 năm trước khi cổ phần hóa.....	24
4. Những nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty	25
5. Vị thế của Tổng công ty so với các đơn vị khác trong cùng ngành.....	26
PHẦN V PHƯƠNG ÁN ĐẦU TƯ, CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN, HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH SAU CỔ PHẦN HÓA.....	28
I. TÊN CÔNG TY CỔ PHẦN	28
II. VỐN ĐIỀU LỆ, NGÀNH NGHỀ KINH DOANH VÀ MÔ HÌNH TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG	28
1. Vốn điều lệ và cơ cấu vốn điều lệ.....	28
2. Ngành nghề kinh doanh dự kiến.....	30
3. Phương án về tổ chức và quản lý điều hành Công ty	30
4. Chiến lược phát triển sau cổ phần hóa.....	33
5. Phương án sử dụng lao động.....	34
6. Kế hoạch đầu tư	36

7.	Kế hoạch sản xuất kinh doanh 3 năm sau cổ phần hóa.....	36
8.	Biện pháp thực hiện.....	38
	PHẦN VI THÔNG TIN VỀ ĐỢT CHÀO BÁN.....	40
	I. PHƯƠNG THỨC CHÀO BÁN CỔ PHẦN.....	40
1.	Đối tượng mua cổ phần.....	40
2.	Phương thức chào bán.....	40
3.	Phương thức thanh toán và thời hạn thanh toán.....	455
	II. LOẠI CỔ PHẦN.....	45
	III. QUẢN LÝ VÀ KẾ HOẠCH SỬ DỤNG SỐ TIỀN THU ĐƯỢC TỪ ĐỢT CỔ PHẦN HÓA.....	45
	IV. PHÂN TÍCH CÁC RỦI RO DỰ KIẾN.....	47
1.	Rủi ro về kinh tế.....	47
2.	Rủi ro về luật pháp.....	47
3.	Rủi ro đặc thù.....	48
4.	Rủi ro của đợt chào bán.....	488
5.	Rủi ro khác.....	48
	V. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN.....	49
	VI. CAM KẾT.....	50

PHẦN I CƠ SỞ PHÁP LÝ

Phương án cổ phần hóa Công ty TNHH MTV Tổng Công ty Thiết bị Y tế Việt Nam được xây dựng căn cứ vào các cơ sở pháp lý sau:

- Luật doanh nghiệp số 68/2014/QH13 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26/11/2014;
- Nghị định số 59/2011/NĐ-CP ngày 18/07/2011 của Chính phủ về việc chuyển doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thành Công ty cổ phần;
- Nghị định số 189/2013/NĐ-CP ngày 20/11/2013 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 59/2011/NĐ-CP ngày 18/7/2011 của Chính phủ về chuyển doanh nghiệp 100% vốn Nhà nước thành Công ty cổ phần;
- Thông tư số 196/2011/TT-BTC ngày 26/12/2011 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn bán cổ phần lần đầu và quản lý, sử dụng tiền thu từ cổ phần hóa của các doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thực hiện chuyển đổi thành công ty cổ phần;
- Thông tư số 127/2014/TT-BTC ngày 05/09/2014 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn xử lý tài chính và xác định giá trị doanh nghiệp khi thực hiện chuyển doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thành công ty cổ phần;
- Nghị định số 63/2015/NĐ-CP ngày 22/07/2015 của Chính phủ quy định chính sách đối với người lao động dôi dư khi sắp xếp lại công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do nhà nước làm chủ sở hữu;
- Thông tư số 33/2012/TT-BLĐTBXH ngày 20/12/2012 của Bộ lao động - Thương binh và Xã hội về việc hướng dẫn thực hiện chính sách đối với người lao động theo Nghị định 59/2011/NĐ-CP ngày 18/07/2011 của Chính phủ về chuyển doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thành công ty cổ phần;
- Quyết định số 37/2014/QĐ-TTg ngày 18/06/2014 của Thủ tướng Chính phủ về ban hành tiêu chí, danh mục phân loại doanh nghiệp nhà nước;
- Quyết định số 51/2014/QĐ-TTg ngày 15/09/2014 của Thủ tướng Chính phủ về một số nội dung về thoái vốn, bán cổ phần và đăng ký giao dịch, niêm yết trên thị trường chứng khoán của doanh nghiệp nhà nước;
- Công văn số 752/TTg-ĐMDN ngày 04/06/2012 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt phương án sắp xếp, đổi mới doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thuộc Bộ Y tế giai đoạn 2011 – 2015;
- Công văn số 2052/TTg-ĐMDN ngày 20/10/2014 của Thủ tướng Chính phủ về việc cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước thuộc Bộ Y tế;

- Quyết định số 4208/QĐ- BYT ngày 15/10/2014 của Bộ Y tế về việc thành lập Ban Chỉ đạo và Tổ giúp việc cổ phần hóa Công ty TNHH MTV Tổng Công ty Thiết bị Y tế Việt Nam;
- Quyết định số 1140/QĐ-BYT ngày 31/03/2015 của Bộ Y tế về việc thay thế Ủy viên Ban Đổi mới và Phát triển doanh nghiệp Bộ Y tế;
- Quyết định số 2430/QĐ-BYT ngày 17/06/2015 của Bộ Y tế về việc thay thế Tổ viên Tổ giúp việc Ban Chỉ đạo cổ phần hóa Công ty TNHH MTV Tổng Công ty Thiết bị Y tế Việt Nam;
- Quyết định số 3854/QĐ-BYT ngày 14/09/2015 của Bộ Y tế về giá trị doanh nghiệp cổ phần hóa Công ty TNHH một thành viên Tổng Công ty Thiết bị Y tế Việt Nam;
- Quyết định số 2265/QĐ-TTg ngày 15/12/2015 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt phương án cổ phần hóa của Công ty TNHH MTV Tổng Công ty thiết bị Y tế Việt Nam;

PHẦN II
CÁC ĐƠN VỊ LIÊN QUAN ĐẾN ĐỢT ĐÁU GIÁ
BÁN CỔ PHẦN LẦN ĐẦU

I. ĐƠN VỊ CHÀO BÁN:

CÔNG TY TNHH MTV TỔNG CÔNG TY THIẾT BỊ Y TẾ VIỆT NAM

- Số 1, ngõ 135 phố Núi Trúc, Phường Kim Mã, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội
- Điện thoại : (04) 3823 5679
- Fax: (04) 3844 3260

II. ĐƠN VỊ THỰC HIỆN ĐÁU GIÁ BÁN CỔ PHẦN

SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI

- Trụ sở chính: Số 2 Phan Chu Trinh, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội
- Điện thoại : 043.941.2626/043.941.2626
- Fax: 043.9347.818

PHẦN III CÁC KHÁI NIỆM VÀ CHỮ VIẾT TẮT

KHÁI NIỆM VÀ CHỮ VIẾT TẮT	ĐỊNH NGHĨA
▪ BHXH	Bảo hiểm xã hội
▪ Công ty	Công ty TNHH MTV Tổng Công ty Thiết bị Y tế Việt Nam
▪ HĐLĐ	Hợp đồng lao động
▪ DT	Doanh thu
▪ HĐQT	Hội đồng quản trị
▪ TDT	Tổng doanh thu
▪ TNHH MTV	Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên
▪ TSCĐ	Tài sản cố định
▪ UBND	Ủy ban nhân dân
▪ XDGTĐN	Xác định giá trị doanh nghiệp
▪ VINAMED	Tên viết tắt của Công ty TNHH MTV Tổng Công ty Thiết bị Y tế Việt Nam

PHẦN IV

GIỚI THIỆU CHUNG VỀ DOANH NGHIỆP

I. TỔNG QUAN

1. Giới thiệu về Doanh nghiệp

- Tên công ty : **CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN TỔNG CÔNG TY THIẾT BỊ Y TẾ VIỆT NAM**
- Tên tiếng Anh : **VIETNAM MEDICAL EQUIPMENT CORPORATION COMPANY LIMITED**
- Tên viết tắt : **VINAMED CO.,LTD**
- Địa chỉ : Số 1, ngõ 135 phố Núi Trúc, Phường Kim Mã, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội
- Điện thoại : (04) 3823 5679
- Fax : (04) 3844 3260
- Website : www.vinamed.com.vn
- Email : vinamed@hn.vnn.vn



- Logo :
- Vốn điều lệ : 84.949.807.017 đồng
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0100124376 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 19/10/1996, đăng ký thay đổi lần thứ 01 ngày 20/04/2012).

2. Ngành nghề kinh doanh chính

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0100124376 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 19/10/1996, đăng ký thay đổi lần thứ 01 ngày 20/04/2012, các ngành nghề kinh doanh của Công ty TNHH MTV Tổng công ty Thiết bị Y tế Việt Nam như sau:

- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác. Chi tiết: Bán buôn máy móc, thiết bị y tế;
- Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình. Chi tiết:

- Bán buôn dụng cụ y tế: bông, băng, gạc, dụng cụ cứu thương, kim tiêm,...
- Bán buôn máy, thiết bị y tế loại sử dụng trong gia đình như: máy đo huyết áp, máy trợ thính.
- Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh. Chi tiết: Bán lẻ dụng cụ, thiết bị y tế và chính hình;
- Sản xuất thiết bị, dụng cụ y tế, nha khoa, chính hình và phục hồi chức năng;
- Sản xuất sản phẩm khác từ cao su. Chi tiết: Đồ dùng vệ sinh bằng cao su: dụng cụ tránh thai cao su, chai chườm nước nóng;
- Sản xuất dao kéo, dụng cụ cầm tay và đồ kim loại thông dụng;
- Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác. Chi tiết: Bán buôn ô tô chở khách loại trên 12 chỗ ngồi, kể cả xe chuyên dụng như xe cứu thương;
- Đại lý ô tô và xe có động cơ khác. Chi tiết: Ô tô chở khách loại trên 12 chỗ ngồi, kể cả xe chuyên dụng như xe cứu thương;
- Sản xuất sản phẩm hóa chất khác chưa được phân vào đâu. Chi tiết: Sản xuất hợp chất dùng để thử phản ứng trong phòng thí nghiệm và để chuẩn đoán khác;
- Sản xuất thiết bị bức xạ, thiết bị điện tử trong y học, điện liệu pháp;
- Sản xuất thiết bị và dụng cụ quang học;
- Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế. Chi tiết: Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế bằng gỗ; Sản xuất đồ đạc bằng gỗ cho y tế, phẫu thuật, nha sĩ và thú y; Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế bằng vật liệu khác: Sản xuất đồ đạc cho y tế, phẫu thuật, nha sĩ và thú y;
- Sửa chữa thiết bị điện tử và quang học;
- Xây dựng nhà các loại. Chi tiết: Bệnh viện, trường học các khu văn phòng;
- Xử lý và tiêu hủy rác thải độc hại. Chi tiết: Xử lý và tiêu hủy rác y tế;
- Kho bãi và lưu giữ hàng hóa. Chi tiết: Hoạt động lưu giữ hàng hóa tại các kho bãi thông thường (trừ kho ngoại quan và kho có gắn thiết bị đông lạnh) để lưu giữ, bảo quản hàng hóa thuộc giao dịch bình thường như nguyên liệu sản xuất, hàng hóa tiêu dùng, máy móc thiết bị;
- Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê;
- Kinh doanh hóa chất, chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn dùng trong gia dụng và y tế. Xuất nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh.

3. Quá trình hình thành và phát triển

Tiền thân của Tổng công ty là Cục Vật tư và Xây dựng cơ bản – Bộ Y tế. Ngày 20/05/1985, Hội đồng Bộ trưởng đã ban hành Nghị định 139-HĐBT về việc chuyển Cục Vật tư và Xây dựng cơ bản thành Tổng công ty Trang Thiết bị và Công trình Y tế thuộc Bộ Y tế.

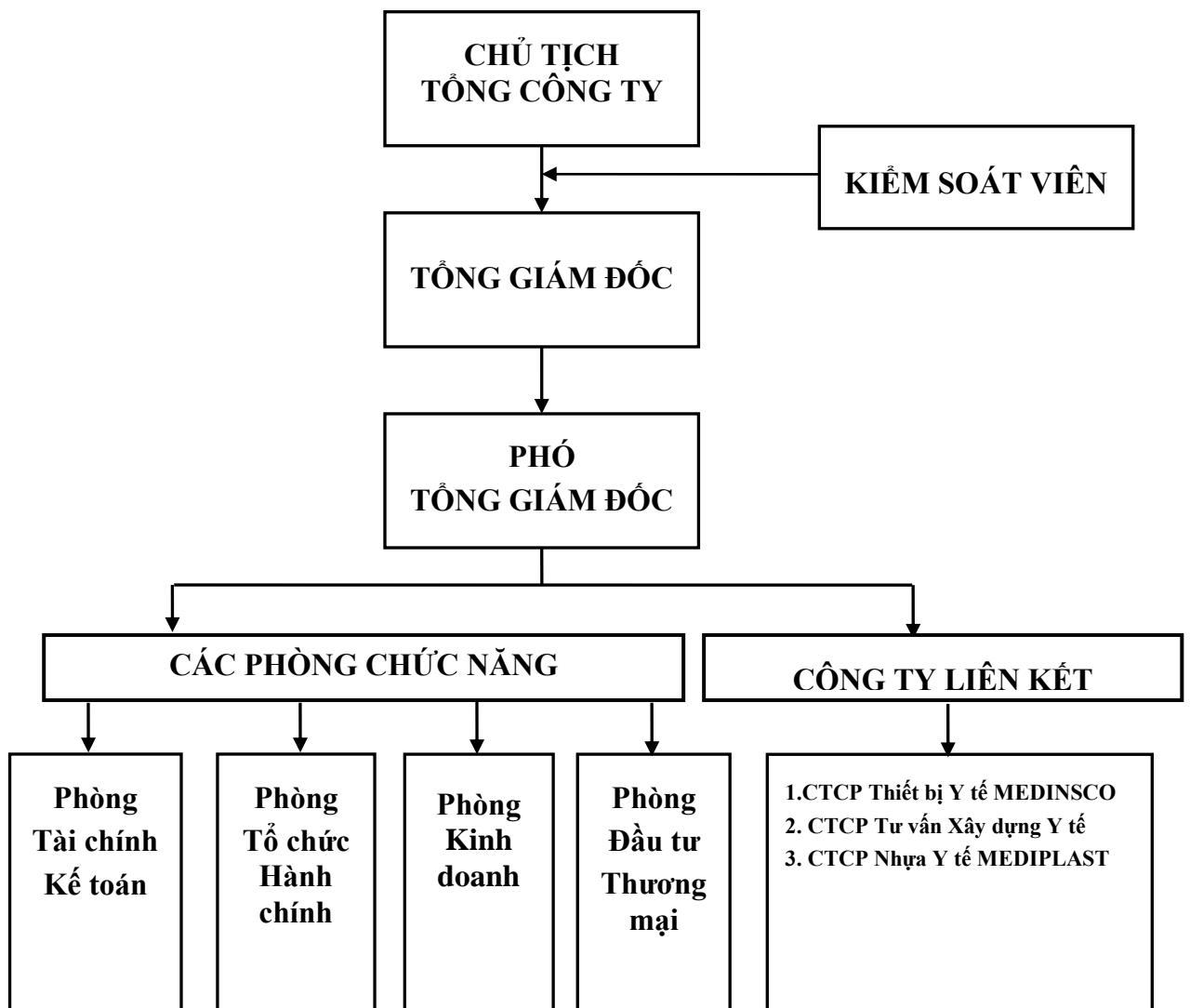
Ngày 02/05/1996, Bộ trưởng Bộ Y tế ban hành Quyết định số 720/BYT-QĐ thành lập Tổng công ty Thiết bị Y tế Việt Nam trên cơ sở của Tổng công ty Trang thiết bị và Công trình y tế.

Từ năm 2000, thực hiện chủ trương của Đảng và Nhà nước, Tổng công ty Thiết bị Y tế Việt Nam đã triển khai công tác đổi mới và phát triển doanh nghiệp bằng hình thức chuyển các doanh nghiệp thành viên thành công ty cổ phần. Năm 2007 là năm chuyển đổi cơ bản của Tổng công ty từ mô hình Tổng công ty nhà nước sang mô hình đa dạng hóa sở hữu. Tất cả các doanh nghiệp thành viên của Tổng công ty đã thực hiện cổ phần hóa và chuyển sang hoạt động theo Luật Doanh nghiệp.

Tổng Công ty Thiết bị Y tế Việt Nam chuyển thành Công ty TNHH MTV Tổng công ty Thiết bị y tế Việt Nam theo Quyết định số 4317/QĐ-BYT ngày 16/11/2011 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc chuyển Tổng Công ty Thiết bị Y tế Việt Nam thành Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do nhà nước làm chủ sở hữu. Ngày 20/04/2012 Tổng công ty được Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp giấy Chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và chính thức trở thành loại hình doanh nghiệp Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ.

4. Cơ cấu tổ chức và quản lý

SƠ ĐỒ TỔ CHỨC CỦA TỔNG CÔNG TY TRƯỚC KHI CỔ PHẦN HÓA



————> Thông tin điều hành

-----> Thông tin kiểm soát

- Chủ tịch Tổng Công ty

Chủ tịch Tổng Công ty do Bộ Y tế quyết định bổ nhiệm. Chủ tịch Tổng Công ty là đại diện chủ sở hữu nhà nước trực tiếp tại Tổng Công ty; nhân danh Tổng Công ty thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Tổng Công ty theo quyền hạn và nhiệm vụ được giao theo quy định của Điều lệ, Luật doanh nghiệp và quy định của pháp luật liên quan.

- Kiểm soát viên

Kiểm soát viên tại Tổng Công ty do Bộ Y tế bổ nhiệm. Kiểm soát viên có nhiệm vụ: Kiểm tra tính hợp pháp, trung thực, cẩn trọng của Chủ tịch Tổng Công ty, Tổng Giám đốc và các cán bộ quản lý khác trong việc tổ chức thực hiện các quyền của chủ sở hữu và trong việc quản lý điều hành công việc kinh doanh của Tổng Công ty; thẩm định báo cáo tài chính, báo cáo tình hình sản xuất kinh doanh, báo cáo đánh giá công tác quản lý và các báo cáo công tác khác trước khi trình chủ sở hữu hoặc cơ quan nhà nước có liên quan; trình chủ sở hữu báo cáo thẩm định và một số nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật;

– **Ban Tổng Giám đốc**

Ban Tổng Giám đốc của Tổng Công ty gồm 01 Tổng Giám đốc và 02 Phó Tổng Giám đốc.

Tổng Giám đốc do Bộ Y tế bổ nhiệm. Các Phó Tổng Giám đốc do Chủ tịch Tổng Công ty bổ nhiệm theo đề nghị của Tổng Giám đốc.

Tổng Giám đốc là người đại diện theo pháp luật của Tổng Công ty, điều hành mọi hoạt động hàng ngày của Tổng Công ty theo mục tiêu, kế hoạch phù hợp với Điều lệ, các quyết định của Chủ tịch Tổng Công ty, chịu trách nhiệm trước Chủ tịch Tổng Công ty và trước pháp luật về việc thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao.

Phó Tổng Giám đốc giúp Tổng Giám đốc điều hành Tổng Công ty theo phân công và ủy quyền của Tổng Giám đốc; chịu trách nhiệm trước Tổng Giám đốc và trước pháp luật về nhiệm vụ được Tổng Giám đốc phân công hoặc ủy quyền.

– **Các Phòng trực thuộc:**

+ Phòng Tổ chức - Hành chính

Phòng Tổ chức - Hành chính có chức năng tham mưu, giúp việc cho Chủ tịch Tổng Công ty, Tổng Giám đốc thực hiện việc quản lý, điều hành Tổng Công ty về các lĩnh vực: Tổ chức cán bộ, lao động tiền lương, đào tạo, thi đua khen thưởng, kỷ luật; Thực hiện các mặt về công tác về hành chính, quản trị, bảo vệ....

+ Phòng Tài chính - Kế toán

Phòng Tài chính - Kế toán có chức năng tham mưu, giúp việc cho Chủ tịch Tổng Công ty, Tổng Giám đốc về lĩnh vực tài chính và kế toán theo đúng chế độ hiện hành của Nhà nước, xây dựng kế hoạch tài chính, cân đối

nguồn tài chính đảm bảo đủ nguồn vốn hợp lý cho các hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng công ty.

+ Phòng Kinh doanh

Phòng Kinh doanh có chức năng tham mưu, giúp việc cho Chủ tịch Tổng Công ty, Tổng Giám đốc trong việc xây dựng kế hoạch kinh doanh, tổ chức thực hiện chiến lược được Chủ tịch Tổng Công ty và Tổng Giám đốc phê duyệt.

+ Phòng Đầu tư Thương mại

Phòng Đầu tư Thương mại có chức năng tham mưu, giúp việc cho Chủ tịch Tổng Công ty, Tổng Giám đốc trong công tác kế hoạch đầu tư và xúc tiến thương mại.

- **Các doanh nghiệp thành viên:** Trước cổ phần hóa, Tổng Công ty có 03 công ty liên kết.

5. Danh sách những công ty mẹ, công ty con và công ty liên doanh liên kết

5.1. Công ty con

Không có.

5.2. Công ty liên doanh, liên kết

❖ Công ty Cổ phần Thiết bị y tế MEDINSCO

- Địa chỉ: Tầng I, tòa nhà N4A-B, Đường Lê Văn Lương, Phường Nhân Chính, Quận Thanh Xuân, Hà Nội
- Vốn điều lệ: 28.136.140.000 đồng
- Giá trị đầu tư của Tổng Công ty theo sổ sách: 6.636.219.900 đồng
- Tỷ lệ sở hữu của Tổng Công ty: 22,51% vốn điều lệ

❖ Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng y tế

- Địa chỉ: 364 Phố Đội Cán, Phường Cống Vị, Quận Ba Đình, Hà Nội
- Vốn điều lệ: 3.200.000.000 đồng
- Giá trị đầu tư của Tổng Công ty theo sổ sách: 1.536.000.000 đồng
- Tỷ lệ sở hữu của Tổng Công ty: 48% vốn điều lệ

❖ Công ty Cổ phần Nhựa Y tế MEDIPLAST

- Địa chỉ: 89 Lương Định Của, Phường Phương Mai, Quận Đống Đa, Hà Nội
- Vốn điều lệ: 16.500.000.000 đồng
- Giá trị đầu tư của Tổng Công ty theo sổ sách: 7.927.000.000 đồng
- Tỷ lệ sở hữu của Tổng Công ty: 48,04% vốn điều lệ

5.3. Đầu tư dài hạn khác

❖ Công ty Cổ phần Đầu tư Y tế và Giáo dục Việt Nam

- Địa chỉ: Số 85 Lương Định Của, phường Phương Mai, quận Đống Đa, Hà Nội
- Vốn điều lệ: 26.279.000.000 đồng
- Giá trị đầu tư của Tổng Công ty theo sổ sách: 1.057.000.000 đồng
- Tỷ lệ sở hữu của Tổng Công ty: 4,02% vốn điều lệ

❖ Công ty Cổ phần MERUFA

- Địa chỉ: Số 38 Trương Quốc Dung, phường 8, quận Phú Nhuận, TP. HCM
- Vốn điều lệ: 36.754.040.000 đồng
- Giá trị đầu tư của Tổng Công ty theo sổ sách: 5.940.000.000 đồng
- Tỷ lệ sở hữu của Tổng Công ty: 16,16% vốn điều lệ

❖ Công ty Cổ phần Thương mại Đầu tư VIMEC

- Địa chỉ: 332 Tô Hiến Thành Quận 10, TP. HCM
- Vốn điều lệ: 60.000.000.000 đồng
- Giá trị đầu tư của Tổng Công ty theo sổ sách: 4.284.000.000 đồng
- Tỷ lệ sở hữu của Tổng Công ty: 7,14% vốn điều lệ

❖ Tổng Công ty Cổ phần Y tế DANAMECO (DNM)

- Địa chỉ: 105 Hùng Vương, Quận Hải Châu, TP. Đà Nẵng
- Vốn điều lệ: 41.691.480.000 đồng
- Giá trị đầu tư của Tổng Công ty theo sổ sách: 3.045.830.000 đồng
- Tỷ lệ sở hữu của Tổng Công ty: 8,59% vốn điều lệ

6. Thực trạng về lao động

Tổng số lao động của Tổng Công ty tính đến thời điểm công bố giá trị doanh nghiệp (14/09/2015) là 15 người, với cơ cấu như sau:

Tiêu chí	Số lượng (người)	Tỷ trọng (%)
Theo trình độ lao động	15	100%
▪ Trình độ đại học và trên đại học	12	80%
▪ Trình độ cao đẳng, trung cấp, sơ cấp	0	0%
▪ Trình độ khác	03	20%
Theo loại hợp đồng lao động	15	100%

Tiêu chí	Số lượng (người)	Tỷ trọng (%)
▪ Không thuộc diện ký Hợp đồng lao động	04	26,67%
▪ Hợp đồng không thời hạn	03	20%
▪ Hợp đồng thời hạn từ 1-3 năm	08	53,33%
▪ Hợp đồng thời hạn dưới 01 năm	0	0%

Nguồn: Công ty TNHH MTV Tổng công ty thiết bị y tế Việt Nam

II. GIÁ TRỊ THỰC TẾ CỦA DOANH NGHIỆP VÀ GIÁ TRỊ THỰC TẾ PHẦN VỐN NHÀ NƯỚC TẠI DOANH NGHIỆP

1. Giá trị thực tế doanh nghiệp để cổ phần hóa

Căn cứ theo Quyết định số 3854/QĐ-BYT ngày 14/09/2015 của Bộ Y tế về giá trị doanh nghiệp cổ phần hóa Công ty TNHH MTV Tổng công ty Thiết bị Y tế Việt Nam.

- Giá trị doanh nghiệp thực tế của Công ty TNHH MTV Tổng công ty Thiết bị Y tế Việt Nam tại thời điểm 0 giờ ngày 01/01/2015 để cổ phần hoá là **145.084.766.499 đồng** (Một trăm bốn mươi lăm tỷ không trăm tám mươi tư triệu bảy trăm sáu mươi sáu nghìn bốn trăm chín mươi chín đồng).
- Giá trị thực tế phần vốn Nhà nước tại Công ty TNHH MTV Tổng công ty Thiết bị Y tế Việt Nam tại thời điểm 0 giờ ngày 01/01/2015 để cổ phần hoá là **127.280.848.903 đồng** (Một trăm hai mươi bảy tỷ hai trăm tám mươi triệu tám trăm bốn mươi tám nghìn chín trăm linh ba đồng).

Giá trị thực tế doanh nghiệp để cổ phần hóa của Công ty TNHH MTV Tổng công ty Thiết bị Y tế Việt Nam tại thời điểm 0 giờ ngày 01/01/2015 được trình bày chi tiết ở bảng sau:

Đơn vị tính: đồng

Chỉ tiêu	Số liệu sổ sách kế toán	Số liệu xác định lại	Chênh lệch
1	2	3	4 = 3 - 2
A. TÀI SẢN ĐANG DÙNG (I+II+III+IV)	120.485.924.390	145.084.766.499	24.598.842.109
I. Tài sản cố định và đầu tư dài hạn	31.099.814.431	54.351.267.492	23.251.453.061
1. Tài sản cố định	521.380.900	1.066.143.831	544.762.931
a. TSCĐ hữu hình	521.380.900	1.066.143.831	544.762.931

Nhà cửa - vật kiến trúc	448.149.319	826.808.468	378.659.149
Máy móc thiết bị	-	-	-
Phương tiện vận tải	50.133.743	204.818.182	154.684.439
Thiết bị dụng cụ quản lý	23.097.838	34.517.182	11.419.344
Tài sản cố định khác	-	-	-
b. TSCĐ vô hình	-	-	-
2. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	30.426.049.900	53.111.104.285	22.685.054.385
3. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	-	-	-
4. Các khoản ký cược, ký quỹ dài hạn	-	-	-
5. Tài sản dài hạn khác	152.383.631	174.019.375	21.635.744
6. Các khoản phải thu dài hạn	-	-	-
II. Tài sản lưu động và đầu tư ngắn hạn	89.386.109.959	89.538.576.869	152.466.910
1. Tiền và các khoản tương đương tiền	63.565.979.950	63.566.704.622	724.672
a. Tiền mặt tồn quỹ	82.860.784	82.862.000	1.216
b. Tiền gửi ngân hàng	516.949.763	517.673.219	723.456
c. Các khoản tương đương tiền	62.966.169.403	62.966.169.403	-
2. Đầu tư tài chính ngắn hạn	8.500.000.000	8.500.000.000	-
3. Các khoản phải thu	15.986.330.340	16.076.891.981	90.561.641
4. Vật tư hàng hóa tồn kho	1.109.825.912	1.109.825.912	-
5. Tài sản lưu động khác	223.973.757	285.154.354	61.180.597

6. Chi phí sự nghiệp	-	-	-
III. Giá trị lợi thế kinh doanh của DN	-	1.194.922.138	1.194.922.138
IV. Giá trị quyền sử dụng đất	-	-	-
B. TÀI SẢN KHÔNG CẦN DÙNG	-	-	-
I. Tài sản cố định và đầu tư dài hạn	-	-	-
1. Tài sản cố định	-	-	-
Trong đó: Tài sản đầu tư bằng Quỹ khen thưởng, phúc lợi			
2. Bất động sản đầu tư			
3. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn			
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang			
5. Các khoản ký cược, ký quỹ dài hạn			
II. Tài sản lưu động và đầu tư ngắn hạn	-	-	-
1. Công nợ không có khả năng thu hồi	-	-	
2. Hàng hóa tồn kho ứ đọng kém, mất phẩm chất	-	-	
3. Tài sản lưu động khác	-	-	-
C. TÀI SẢN CHỜ THANH LÝ	-	-	-

I. Tài sản cố định và đầu tư dài hạn	-	-	-
1. Tài sản cố định	-	-	-
II. Tài sản lưu động và đầu tư ngắn hạn	-	-	-
D. TÀI SẢN HÌNH THÀNH TỪ QUỸ PHÚC LỢI, KHEN THƯỞNG	-	-	-
TỔNG GIÁ TRỊ TÀI SẢN CỦA DOANH NGHIỆP (A + B + C + D)	120.485.924.390	145.084.766.499	24.598.842.109
Trong đó:			
TỔNG GIÁ TRỊ THỰC TẾ DOANH NGHIỆP (A)	120.485.924.390	145.084.766.499	24.598.842.109
E1. Nợ thực tế phải trả	17.803.917.596	17.803.917.596	-
Trong đó: Giá trị quyền sử dụng đất mới nhận giao phải nộp NSNN	-	-	
E2. Nguồn kinh phí sự nghiệp			
TỔNG GIÁ TRỊ THỰC TẾ PHẦN VỐN NHÀ NƯỚC TẠI DOANH NGHIỆP [A - (E1 + E2)]	102.682.006.794	127.280.848.903	24.598.842.109

(Nguồn: Hồ sơ xác định GTDN của Vinamed tại thời điểm 31/12/2014)

2. Tài sản cố định của doanh nghiệp

2.1 Tình hình đất đai Tổng Công ty đang quản lý và sử dụng

Trước khi cổ phần hóa, Tổng Công ty đang quản lý và sử dụng lô đất tại số 1, ngõ 135 phố Núi Trúc, Phường Kim Mã, Quận Ba Đình, Hà Nội, chi tiết như sau:

- Tổng diện tích đất đang quản lý, sử dụng: 612 m².
- Hình thức sử dụng đất trước khi cổ phần hóa: Thuê đất trả tiền hàng năm
- Thời hạn thuê:

- + 429 m² đất để làm văn phòng làm việc; thời gian thuê đất 40 năm kể từ ngày 15/10/1993 đến ngày 15/10/2033
 - + 183 m² đất nằm trong chỉ giới mở đường, không được xây dựng kiên cố, khi Nhà nước thu hồi phải bàn giao theo quy định. Thời gian thuê đất hàng năm.
 - Mục đích sử dụng: Trụ sở làm việc (Đất cơ sở sản xuất kinh doanh).
 - Hiện trạng sử dụng: Sử dụng làm trụ sở, văn phòng làm việc.
- Tổng công ty chỉ có 01 lô đất ký hợp đồng thuê 40 năm vì vậy không tính giá trị sử dụng đất vào giá trị doanh nghiệp.

2.2 Tình hình tài sản cố định

Toàn bộ tài sản cố định của Tổng Công ty trước thời điểm cổ phần hóa được chuyển giao sang công ty cổ phần, cụ thể như sau:

Bảng tổng hợp tài sản cố định của Tổng Công ty tại thời điểm 31/12/2014

Đơn vị tính: đồng

TT	Loại tài sản	Giá trị sổ sách		
		Nguyên giá	Đã khấu hao	Giá trị còn lại
A	TSCĐ đang dùng	2.639.815.409	2.118.434.509	521.380.900
1	Nhà cửa vật kiến trúc	2.108.002.182	1.659.852.863	448.149.319
2	Phương tiện vận tải	449.890.500	399.756.757	50.133.743
3	Thiết bị dụng cụ quản lý	81.922.727	58.824.889	23.097.838
B	TSCĐ không cần dùng	0	0	0
C	TSCĐ chờ thanh lý	0	0	0
	Tổng cộng	2.639.815.409	2.118.434.509	521.380.900

Nguồn: Hồ sơ XDGTĐN của VINAMED tại thời điểm 31/12/2014

Bảng chi tiết nhà cửa vật kiến trúc của Tổng Công ty

ĐVT: đồng

TT	Tên tài sản	DT sàn xây dựng (m ²)	Năm sử dụng	Giá trị sổ sách		
				Nguyên giá	Đã khấu hao	Giá trị còn lại
1	Nhà làm việc 2 tầng	432,4	1975	1.744.734.000	1.334.767.575	409.966.425
2	Nhà để xe, 2 tầng	137,5	1975	211.475.000	211.475.000	0
3	Nhà cấp 4 (3 gian)	65,3	1975	88.155.000	88.155.000	0
4	Trụ công cánh công		2012	63.638.182	25.455.288	38.182.894
	Tổng cộng			2.108.002.182	1.659.852.863	448.149.319

Nguồn: Hồ sơ XDGTĐN của VINAMED tại thời điểm 31/12/2014

Bảng chi tiết phương tiện vận tải của Tổng Công ty

TT	Tên tài sản	Số lượng	Năm sử dụng	Giá trị sổ sách		
				Nguyên giá	Đã khấu hao	Giá trị còn lại
1	Xe ô tô Toyota Innova 2.0G	1	2007	449.890.500	399.756.757	50.133.743
	Tổng cộng			449.890.500	399.756.757	50.133.743

Nguồn: Hồ sơ XDGTĐN của VINAMED tại thời điểm 31/12/2014

Bảng chi tiết thiết bị dụng cụ quản lý của Tổng Công ty

ĐVT: đồng

TT	Tên tài sản	Số lượng	Năm sử dụng	Giá trị sổ sách		
				Nguyên giá	Đã khấu hao	Giá trị còn lại
1	Máy photocopy RICOH AFICIO	1	2010	35.272.727	30.834.857	4.437.870
2	Tivi Sony 46N*720	1	2011	46.650.000	27.990.032	18.659.968
	Tổng cộng			81.922.727	58.824.889	23.097.838

Nguồn: Hồ sơ XDGTĐN của VINAMED tại thời điểm 31/12/2014

III. HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH 03 NĂM TRƯỚC CỔ PHẦN HÓA

1. Sản phẩm và dịch vụ chủ yếu

Hiện tại sản phẩm và dịch vụ chủ yếu của VINAMED là:

- Thực hiện nhiệm vụ Dự trữ quốc gia về máy móc thiết bị, dụng cụ y tế, hóa chất phòng chống dịch, phòng chống thảm họa thiên tai; công tác hậu cần cho các chương trình, mục tiêu quốc gia về y tế, dân số kế hoạch hóa gia đình, các dịch vụ về hàng viện trợ.
- Kinh doanh: thiết bị, dụng cụ, vật tư y tế; hóa chất xét nghiệm, hóa chất phòng chống dịch, hóa chất diệt khuẩn, thiết bị khoa học kỹ thuật, thiết bị sản xuất trong ngành dược.
- Mua bán xe ô tô cứu thương và xe chuyên dùng trong y tế.
- Xuất nhập khẩu máy móc, thiết bị, dụng cụ, vật tư y tế.

2. Tình hình hoạt động kinh doanh

2.1. Một số chỉ tiêu kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng Công ty 3 năm trước khi cổ phần hoá

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Chỉ tiêu	Năm 2013	Tỷ trọng /DTT	Năm 2014	Tỷ trọng /DTT	Năm 2015	Tỷ trọng /DTT
1	Doanh thu thuần	12.117	100%	29.431	100%	57.174	100%
1.1	<i>Doanh thu bán thiết bị y tế</i>	<i>11.914</i>	<i>98,32%</i>	<i>29.054</i>	<i>98.72%</i>	<i>56.950</i>	<i>99,61%</i>
1.2	<i>Doanh thu cho thuê văn phòng và dịch vụ</i>	<i>202</i>	<i>1,67%</i>	<i>377</i>	<i>1,28%</i>	<i>225</i>	<i>0,39%</i>
2	Giá vốn hàng bán	11.488	94,81%	28.509	96,87%	56.108	98,13%
3	Lợi nhuận gộp	628	5,18%	922	3,13%	1.067	1,87%
4	Doanh thu hoạt động tài chính	6.181	51,01%	6.035	20,51%	8.575	15%
5	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	4.024	33,21%	4.251	14,44%	4.214	7,37%

6	Thu nhập khác	1	0,01%	156	0,53%	163	0,29%
7	Chi phí khác			31	0,11%	31	0,05%
8	Lợi nhuận khác	1	0,01%	125	0,42%	132	0,23%
9	Lợi nhuận trước thuế	4.025	33,22%	4.376	14,87%	4.346	7,6%
10	Lợi nhuận sau thuế	3.902	32,2	4.291	14,58%	4.346	7,6%

Nguồn: Báo cáo tài chính 2013, 2014 đã được kiểm toán, năm 2015 chưa được kiểm toán của VINAMED

Nhìn chung, hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty có sự tăng trưởng trong giai đoạn 2013 – 2015. Cụ thể, doanh thu thuần năm 2015 tăng 94,2% so với năm 2014 và tăng 371,8% so với năm 2013. Doanh thu thuần năm 2014 tăng trưởng mạnh là do đơn vị đã tích cực tham gia đấu thầu đồng thời tìm các đối tác có đủ năng lực cùng tham gia và đã thu được những kết quả nhất định. Doanh thu chủ yếu của Tổng Công ty là doanh thu hoạt động tài chính và doanh thu kinh doanh thiết bị y tế, còn mảng cho thuê văn phòng chiếm tỷ trọng không đáng kể. Bên cạnh đó, chỉ tiêu lợi nhuận sau thuế cũng có sự tăng trưởng qua từng năm. Lợi nhuận sau thuế năm 2014 tăng 9,98% so với năm 2013, lợi nhuận sau thuế năm 2015 tăng 1,3% so với năm 2013. Đạt được kết quả trên là nhờ sự giúp đỡ của Bộ Y tế, các Sở, Ban ngành và sự nỗ lực cố gắng của toàn thể Cán bộ nhân viên Tổng công ty trong việc tiết kiệm chi phí, nâng cao chất lượng sản phẩm và dịch vụ.

2.2. Nguyên vật liệu

Hoạt động kinh doanh chính của VINAMED là hoạt động kinh doanh thiết bị y tế, cung cấp trang thiết bị cho các bệnh viện, phòng khám. Công ty không có đơn vị sản xuất nên không có nguồn nguyên liệu đầu vào. Tuy nhiên, hàng hóa đầu vào để kinh doanh của Công ty chủ yếu mua từ các đại lý, các nhà sản xuất trong nước nên chủ động được nguồn hàng giá cả ít biến động.

2.3. Chi phí sản xuất

Cơ cấu chi phí sản xuất kinh doanh của Công ty như sau:

Đơn vị tính: triệu đồng

Khoản mục	Năm 2013		Năm 2014		Năm 2015	
	Giá trị	% /TDT	Giá trị	%/ TDT	Giá trị	% /TDT
Giá vốn hàng bán	11.488	62,78%	28.509	80,03%	56.107	85,12%
Chi phí tài chính	-	-	-	-	1.827	2,8%
Chi phí bán hàng	63	0,34%	45	0,13%	2	0,03%
Chi phí quản lý doanh nghiệp	2.723	14,88%	2.663	7,48%	3.597	5,5%
Tổng cộng	14.274	78,00%	31.248	87,72%	62.600	93,45%

Nguồn: Báo cáo tài chính 2013, 2014 đã kiểm toán, năm 2015 chưa kiểm toán của VINAMED

Là một đơn vị sản xuất kinh doanh, mục tiêu tối đa hóa lợi nhuận luôn được xem là mục tiêu hàng đầu đối với Tổng công ty, do đó vấn đề tiết kiệm chi phí hết sức được coi trọng ở Tổng công ty.

Với đặc trưng là doanh nghiệp thực hiện nhiệm vụ Dự trữ quốc gia về máy móc thiết bị, dụng cụ y tế, hóa chất phòng chống dịch, phòng chống thảm họa thiên tai và công tác hậu cần cho các chương trình, mục tiêu quốc gia về y tế, dân số kế hoạch hóa gia đình, các dịch vụ về hàng viện trợ nên giá vốn hàng bán của Tổng công ty chủ yếu là từ các chi phí để bảo trì, bảo quản, chi phí vận tải hàng hóa... việc nghiên cứu và tìm giải pháp giảm thiểu giá vốn hàng bán được Tổng công ty đặt lên hàng đầu.

Chi phí bán hàng của Tổng công ty thời gian vừa qua là khá thấp do Tổng công ty chủ yếu tập trung vào cung cấp dịch vụ hậu cần nên chưa chú trọng đến công tác tiếp thị. Tỷ trọng tổng chi phí trên tổng doanh thu ở mức từ 78% tổng doanh thu trở lên, riêng năm 2015, tổng chi phí chiếm tới 93,45% tổng doanh thu, do chủ yếu là chi phí giá vốn chiếm tỷ trọng lớn 85,12%, chi phí tài chính chiếm 2,8% do đơn vị trích lập dự phòng các khoản đầu tư tài chính dài hạn, chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp chiếm 5,5% chủ yếu là chi tiền lương, khấu hao tài sản cố định và các chi phí khác phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.

2.4. Trình độ công nghệ và nhân lực

Hoạt động kinh doanh chính của Tổng công ty là kinh doanh các mặt hàng thiết bị y tế. Vì vậy, trình độ công nghệ chủ yếu liên quan đến hệ thống quản lý nội bộ, nhằm chuyên nghiệp hóa hoạt động kinh doanh của Tổng công ty. Hiện tại, Tổng công ty chưa tập trung nhiều vào việc phát triển hệ thống quản lý nội bộ, hệ thống website, hệ thống điều hành doanh nghiệp để nâng cao hiệu quả kinh doanh của Tổng công ty.

Bên cạnh đó, nguồn nhân lực của Tổng công ty đã được sắp xếp tinh gọn, hợp lý với số lao động hiện có. Trình độ của đội ngũ CBCNV tương đối đồng đều, Tổng công ty

có cơ chế phù hợp trong việc đào tạo, bồi dưỡng, tuyển chọn cán bộ, có chính sách thu hút nhân lực tốt.

2.5. Tình hình kiểm tra chất lượng sản phẩm dịch vụ

Là đơn vị kinh doanh các sản phẩm liên quan đến chăm sóc sức khỏe, y tế nên VINAMED luôn đặt chất lượng sản phẩm cung cấp lên hàng đầu. Các sản phẩm Công ty cung cấp cho các cơ sở y tế đều được lựa chọn từ các nhà cung cấp uy tín trong nước, đáp ứng đầy đủ tiêu chuẩn quy định của Bộ Y tế.

2.6. Hoạt động Marketing

Các đối tượng khách hàng của Công ty chủ yếu là Sở y tế các tỉnh thành, Trung tâm y tế, các bệnh viện, các chương trình quốc gia, các tổ chức phi chính phủ... Công tác quảng bá hình ảnh Công ty thực hiện thông qua các hình thức như: quảng bá trên các báo của ngành và tham gia triển lãm sản phẩm trong nước.

2.7. Các hợp đồng lớn đang được thực hiện

STT	Số hợp đồng	Tên đối tác	Sản phẩm	Giá trị
A	Hàng mua			
1	005.15/VG-KD/HĐ	Công ty cổ phần Thiết bị y tế Việt Gia	Máy bơm bóng đối xung động mạch chủ	1.360.755.000
2	1612/KLF-VINAMED/2015	Công ty CP Liên doanh đầu tư Quốc tế KLF	Máy thở đa năng, Máy truyền dịch ...	2.716.306.950
3	03/VINAMED-HOANGNGUYEN/2015	Công ty TNHH TM và SX Thiết bị y tế Hoàng Nguyễn	Dụng cụ, trang thiết bị y tế	960.071.750
4	21.07/2015/VINAMED-MAC	Công ty TNHH Xuất nhập khẩu y tế MAC Việt Nam	Thiết bị y tế	8.631.520.525
5	08/VINAMED-HAHUY/2015	Công ty CP TMDV và Thiết bị y tế Hà Huy	Máy siêu âm chuẩn đoán DOPPLER màu 4D	1.752.975.000
B	Hàng bán			
1	25/2015/HĐXD	Ban Quản lý Dự án bệnh viện Đa khoa TP Hà Tĩnh	Máy thở, máy siêu âm ...	4.135.400.000
2	20/2014/HĐ-MSHH	Ban Quản lý Dự án vùng căn cứ Cách mạng	Thiết bị y tế	15.361.489.900
3	011114/2014/DTTM-VNM	Trung tâm tim mạch bệnh viện E	Máy ECMO	2.200.000.000

4	06/HĐ/SYT-TCT	Sở y tế Tây Ninh	Máy thở đa năng, máy truyền dịch ...	2.757.678.000
5	68/HĐKT	Ban Quản lý Dự án Binh đoàn 16	Máy xét nghiệm sinh hóa, máy điện tim ...	6.167.120.000

2.8. Nhãn hiệu thương mại, đăng ký phát minh sáng chế và bản quyền

Công ty đã xây dựng và sử dụng Logo nhãn hiệu thương mại độc quyền từ năm 1996, đây là cơ sở để Công ty quảng bá hình ảnh sâu rộng đến với đối tác trong nước và ngoài nước. Logo Công ty:



3. Tình hình tài chính và kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong 03 năm trước khi cổ phần hóa

Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh và tình hình tài chính của Công ty giai đoạn các năm trước khi cổ phần hóa được tóm tắt ở bảng sau:

Đơn vị: đồng

TT	Chỉ tiêu	Năm 2013	Năm 2014	Năm 2015
1	Tổng tài sản	103.137.619.698	120.485.924.390	153.792.306.790
2	Vốn Chủ sở hữu (không bao gồm số dư quỹ khen thưởng, phúc lợi)	93.154.382.996	102.682.006.794	130.880.436.585
3	Nợ phải trả	9.983.236.702	17.803.917.596	22.911.870.205
3.1	Nợ ngắn hạn	9.983.236.702	17.803.917.596	22.911.870.205
3.2	Nợ dài hạn	-	-	-
4	Nợ phải thu	4.956.323.542	15.986.330.340	22.045.500.203
4.1	Các khoản phải thu ngắn hạn	4.956.323.542	15.986.330.340	22.045.500.203
4.2	Các khoản phải thu dài hạn	-	-	-
	Nợ vay ngắn hạn			
	Nợ vay dài hạn			
	Nợ phải thu khó đòi			
5	Tổng số lao động (người)	15	15	15

TT	Chỉ tiêu	Năm 2013	Năm 2014	Năm 2015
6	Tổng quỹ lương	1.282.996.597	1.451.270.400	1.760.000.000
7	Lương bình quân của người lao động/tháng	7.127.758	8.062.613	9.777.777
8	Tổng doanh thu	18.299.304.092	35.623.227.161	65.912.796.563
9	Tổng chi phí	14.274.421.851	31.247.012.408	61.565.908.752
10	Lợi nhuận thực hiện	4.024.882.241	4.376.214.753	4.346.887.811
11	Lợi nhuận sau thuế	3.901.905.431	4.291.239.852	4.346.887.811
12	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/ vốn Chủ sở hữu	4,19%	4,18%	3,32%

Nguồn: Báo cáo tài chính 2013, 2014 đã được kiểm toán, 2015 chưa được kiểm toán

4. Những nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty

Trong quá trình hoạt động kinh doanh, hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty TNHH MTV Tổng công ty thiết bị y tế Việt Nam chịu ảnh hưởng của nhiều yếu tố tác động, bao gồm cả yếu tố thuận lợi và khó khăn:

❖ Thuận lợi

- Kinh tế phát triển, thu nhập của người dân tăng lên đã làm gia tăng nhu cầu chăm sóc sức khỏe, khám chữa bệnh, từ đó ảnh hưởng tích cực đến hoạt động kinh doanh của các công ty chuyên ngành dược và thiết bị y tế.
- Công ty luôn nhận được sự hỗ trợ lớn từ Bộ Y tế trong mọi hoạt động sản xuất kinh doanh.
- Công ty thiết lập được mối quan hệ với một số đối tác truyền thống để cung cấp trang thiết bị.

❖ Khó khăn

- Tình hình kinh tế thế giới diễn biến phức tạp, ảnh hưởng đến kinh tế của Việt Nam và do đó gián tiếp ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp nói chung và VINAMED nói riêng.
- Nguồn nhân lực cho nhu cầu phát triển để tạo ra những đột phá cần thiết của Tổng công ty vẫn chưa đủ nhất là lực lượng cán bộ kỹ thuật còn thiếu và chưa có nhiều kinh nghiệm.
- Cơ sở vật chất của Tổng công ty chưa được đầu tư nâng cấp.
- Là công ty nhà nước, Công ty gặp hạn chế trong việc đấu thầu các hợp đồng trang

thiết bị y tế với các đối tác nước ngoài.

- Nhiều đơn vị tư nhân tham gia vào thị trường cung cấp trang thiết bị y tế dẫn đến sự cạnh tranh ngày càng gay gắt.

5. Vị thế của Công ty so với các doanh nghiệp khác trong cùng ngành

- Triển vọng của ngành

Cùng với sự phát triển kinh tế, xã hội của đất nước, đặc biệt trong giai đoạn công nghiệp hoá, hiện đại hoá hiện nay, nhu cầu chăm sóc bảo vệ sức khỏe nhân dân đòi hỏi chất lượng ngày càng cao. Việt Nam là quốc gia có dân số lớn và đang từng bước cải tạo nâng cấp môi trường y tế chăm sóc và chữa bệnh cho người dân, là một thị trường lớn còn nhiều tiềm năng phát triển đối với các sản phẩm trang thiết bị y tế. Trang thiết bị y tế là một trong những yếu tố quan trọng quyết định hiệu quả, chất lượng của công tác y tế. Do vậy, lĩnh vực trang thiết bị y tế đang được tăng cường đầu tư cả về số lượng và chất lượng.

Trang thiết bị y tế bao gồm các loại thiết bị, dụng cụ, vật tư, phương tiện vận chuyển chuyên dụng phục vụ cho hoạt động chăm sóc bảo vệ sức khỏe nhân dân. Sự phát triển nhu cầu về sản phẩm trang thiết bị y tế là lớn tuy nhiên mức cạnh tranh ngày càng gay gắt giữa các sản phẩm nhập khẩu 100% từ các nhà cung cấp nước ngoài chất lượng tốt hơn là một thách thức đối với ngành cung cấp các trang thiết bị y tế. Tại Việt Nam, với trình độ kỹ thuật còn thấp, việc sản xuất chỉ dừng lại ở những thiết bị y tế thông thường, đơn giản và có giá trị thấp. Còn đối với những sản phẩm có trình độ công nghệ cao, giá trị lớn thì chủ yếu được nhập khẩu từ các nước công nghiệp phát triển. Thị phần chủ yếu là các công ty nước ngoài có văn phòng đại diện tại Việt Nam như: Olympus, Toshiba, Johnson&Johnson, Siemens, Karl Storz ... Thị phần do Vinamed chiếm giữ trong ngành còn rất thấp.

Mặc dù, ngành y tế được sự quan tâm ủng hộ của toàn xã hội, song với đặc thù về công nghệ và giá trị của thiết bị nên việc trang bị thiết bị y tế vẫn còn thiếu, không đồng bộ và lạc hậu so với các nước trong khu vực. Chính vì vậy xã hội hoá đối với trang thiết bị y tế, tăng cường chăm sóc sức khỏe nhân dân là điều cấp thiết theo chủ trương của đảng và nhà nước. Trong bối cảnh ngành y tế tăng cường trang bị thiết bị y tế cả về chất lượng và số lượng, thì đây là điều kiện thuận lợi cho các đơn vị kinh doanh thiết bị y tế nâng cao vị trí và vai trò của mình đối với sự phát triển của ngành.

Vinamed với lĩnh vực kinh doanh truyền thống là thiết bị y tế thì đây là cơ hội tốt để Tổng công ty đẩy mạnh tiêu thụ, nâng cao hơn nữa uy tín của mình đối với khách hàng khu vực miền Trung cũng như khách hàng tại hai Thành phố lớn là Tp. HCM và Hà Nội.

Định hướng phát triển của Tổng Công ty trong thời gian tới là tiếp tục phát triển hoạt động kinh doanh trang thiết bị y tế. Bên cạnh đó, Công ty đang nghiên cứu mở rộng hoạt động kinh doanh sang một số lĩnh vực sản xuất và dịch vụ.

Nhìn chung, định hướng phát triển của Tổng Công ty là hoàn toàn phù hợp với định hướng phát triển chung của ngành, chính sách của Nhà nước và xu hướng chung trên thế giới.

PHẦN V
PHƯƠNG ÁN ĐẦU TƯ, CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN,
HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH
SAU CỔ PHẦN HÓA

I. TÊN CÔNG TY CỔ PHẦN

- Tên tiếng Việt : **TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ Y TẾ VIỆT NAM**
- Tên tiếng Anh : **VIETNAM MEDICAL EQUIPMENT JOINT STOCK CORPORATION**
- Tên viết tắt : **VINAMED JSC**
- Trụ sở chính : Số 1, ngõ 135 phố Núi Trúc, Phường Kim Mã, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội
- Điện thoại : (04) 3823 5679
- Fax : (04) 3844 3260
- Website : www.vinamed.com.vn
- Email : vinamed@hn.vnn.vn



- Logo :

II. VỐN ĐIỀU LỆ, NGÀNH NGHỀ KINH DOANH VÀ MÔ HÌNH TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG

1. Vốn điều lệ và cơ cấu vốn điều lệ

Căn cứ theo Quyết định số 3854/QĐ-BYT ngày 14/09/2015 của Bộ Y tế về giá trị doanh nghiệp cổ phần hóa Công ty TNHH MTV Tổng công ty Thiết bị Y tế Việt Nam, giá trị thực tế phần vốn Nhà nước tại Công ty TNHH MTV Tổng công ty Thiết bị Y tế Việt Nam tại thời điểm 0 giờ ngày 01/01/2015 để cổ phần hoá là 127.280.848.903 đồng.

Căn cứ nhu cầu nguồn vốn cho hoạt động sản xuất kinh doanh sau quá trình cổ phần hóa và nhu cầu thực tế dựa trên kế hoạch sản xuất kinh doanh của Công ty cổ phần, vốn điều lệ của Tổng Công ty được xác định như sau:

- Vốn điều lệ: **88.000.000.000 đồng (Tám mươi tám tỷ đồng)**

- Loại cổ phần: Cổ phần phổ thông
- Mệnh giá cổ phần: 10.000 đồng/cổ phần
- Số cổ phần phát hành: 8.800.000 cổ phần

Mức vốn điều lệ xác định của công ty cổ phần thấp hơn giá trị thực tế phần vốn nhà nước xác định lại tại thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp. Do đó, VINAMED sẽ thực hiện hoàn trả lại ngân sách nhà nước bằng tiền mặt giá trị chênh lệch là 127.280.848.903 đồng – 88.000.000.000 đồng = 39.280.848.903 đồng, từ nguồn quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp.

Theo tiêu chí, danh mục phân loại doanh nghiệp nhà nước của Thủ tướng Chính phủ, Công ty TNHH MTV Tổng công ty Thiết bị Y tế Việt Nam là doanh nghiệp không thuộc diện Nhà nước nắm giữ cổ phần chi phối. Tổng Công ty đề xuất xây dựng phương án tỷ lệ cổ phần nắm giữ của Nhà nước là 20% trên vốn điều lệ công ty cổ phần.

Cơ cấu vốn điều lệ của công ty cổ phần dự kiến như sau:

STT	Cổ đông	Số cổ phần (cổ phần)	Giá trị cổ phần (đồng)	Tỷ lệ (%)
1	Nhà nước	1.760.000	17.600.000.000	20
2	Cổ đông CBCNV mua ưu đãi	17.200	17.200.000	0,2
2.1	<i>- Mua theo tiêu chuẩn thâm niên làm việc trong khu vực Nhà nước</i>	<i>17.200</i>	<i>17.200.000</i>	<i>0,2</i>
2.2	<i>Mua theo đăng ký cam kết làm việc lâu dài tại Công ty cổ phần</i>	<i>0</i>	<i>0</i>	<i>0</i>
3	Công đoàn Công ty	0	0	0
4	Cổ đông chiến lược	3.500.000	35.000.000.000	39,77
5	Cổ đông mua cổ phần thông qua đấu giá	3.522.800	35.228.000.000	40,03
	Tổng cộng	8.800.000	88.000.000.000	100

Nguồn : Phương án cổ phần hóa của Vinamed

2. Ngành nghề kinh doanh dự kiến

Ngành nghề kinh doanh dự kiến của Tổng Công ty sau khi chuyển thành công ty cổ phần như sau:

- Kinh doanh: Thiết bị, dụng cụ, vật tư y tế; hóa chất xét nghiệm, hóa chất phòng chống dịch, hóa chất diệt khuẩn, thiết bị khoa học kỹ thuật, thiết bị sản xuất trong ngành dược.
- Mua bán xe ô tô cứu thương và chuyên dùng trong y tế.
- Xuất nhập khẩu máy móc, thiết bị, dụng cụ, vật tư y tế.
- Sản xuất thiết bị, dụng cụ y tế; sản xuất dụng cụ dùng trong thú y, chăn nuôi, gia dụng, vật liệu xây dựng và trang trí nội thất.
- Tổ chức hội thảo, tập huấn hướng dẫn sử dụng máy móc thiết bị, dụng cụ y tế.
- Dịch vụ: Tư vấn, lắp đặt, sửa chữa, bảo hành, bảo trì thiết bị dụng cụ y tế; tư vấn thiết kế xây dựng labo xét nghiệm, phòng mổ, phòng X-quang và các công trình chuyên ngành y tế.
- Tư vấn và xây dựng các công trình cho ngành y tế và dân dụng.
- Kinh doanh bất động sản: Cho thuê văn phòng, kho, bãi đỗ xe.
- Kinh doanh các ngành nghề khác mà pháp luật cho phép.

3. Phương án về tổ chức và quản lý điều hành Công ty

Tổng công ty Cổ phần Thiết bị Y tế Việt Nam hoạt động theo Điều lệ tổ chức và hoạt động của Tổng công ty do Đại hội đồng cổ đông thông qua, căn cứ theo các quy định của Luật Doanh nghiệp, dưới sự quản trị, giám sát và điều hành của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Ban Giám đốc.

Dự kiến bộ máy tổ chức của Tổng công ty như sau:

▪ **Đại hội đồng cổ đông**

Đại hội đồng cổ đông gồm tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan có thẩm quyền quyết định cao nhất của Tổng Công ty.

▪ **Hội đồng quản trị**

Hội đồng quản trị là cơ quan quản trị của Tổng Công ty, là cơ quan có đầy đủ quyền hạn để thực hiện tất cả các quyền nhân danh Công ty trừ những thẩm quyền thuộc về Đại hội đồng cổ đông. Hội đồng quản trị có trách nhiệm giám sát Tổng Giám đốc và các cán bộ quản lý khác. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị là 05 người.

- **Ban kiểm soát:**

Ban kiểm soát là cơ quan có nhiệm vụ giúp Đại hội đồng cổ đông giám sát, đánh giá kết quả hoạt động sản xuất, kinh doanh của Công ty một cách khách quan nhằm đảm bảo lợi ích cho các cổ đông. Số lượng thành viên Ban kiểm soát là 03 người.

- **Ban Tổng Giám đốc**

Tổng Giám đốc là người điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Tổng Công ty, chịu sự giám sát của Hội đồng quản trị và chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và trước pháp luật các quyền và nhiệm vụ được giao. Giúp Tổng Giám đốc điều hành Tổng Công ty có các Phó Tổng Giám đốc. Số lượng thành viên Ban Tổng Giám đốc do Hội đồng quản trị quyết định.

- **Các Phòng trực thuộc:**

- Phòng Tổ chức - Hành chính

Phòng Tổ chức - Hành chính có chức năng tham mưu, giúp việc cho Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc thực hiện việc quản lý, điều hành Tổng Công ty về các lĩnh vực: Tổ chức cán bộ, lao động tiền lương, đào tạo, thi đua khen thưởng, kỷ luật; Thực hiện các mặt về công tác về hành chính, quản trị, bảo vệ....

- Phòng Tài chính - Kế toán

Phòng Tài chính - Kế toán có chức năng tham mưu, giúp việc cho Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc về lĩnh vực tài chính và kế toán theo đúng chế độ hiện hành của Nhà nước, xây dựng kế hoạch tài chính, cân đối nguồn tài chính đảm bảo đủ nguồn vốn hợp lý cho các hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng công ty.

- Phòng Kinh doanh

Phòng Kinh doanh có chức năng tham mưu, giúp việc cho Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc trong việc xây dựng kế hoạch kinh doanh, tổ chức thực hiện chiến lược được Hội đồng quản trị và Tổng Giám đốc phê duyệt.

- Phòng Đầu tư Thương mại

Phòng Đầu tư Thương mại có chức năng tham mưu, giúp việc cho Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc trong công tác kế hoạch đầu tư và xúc tiến thương mại.

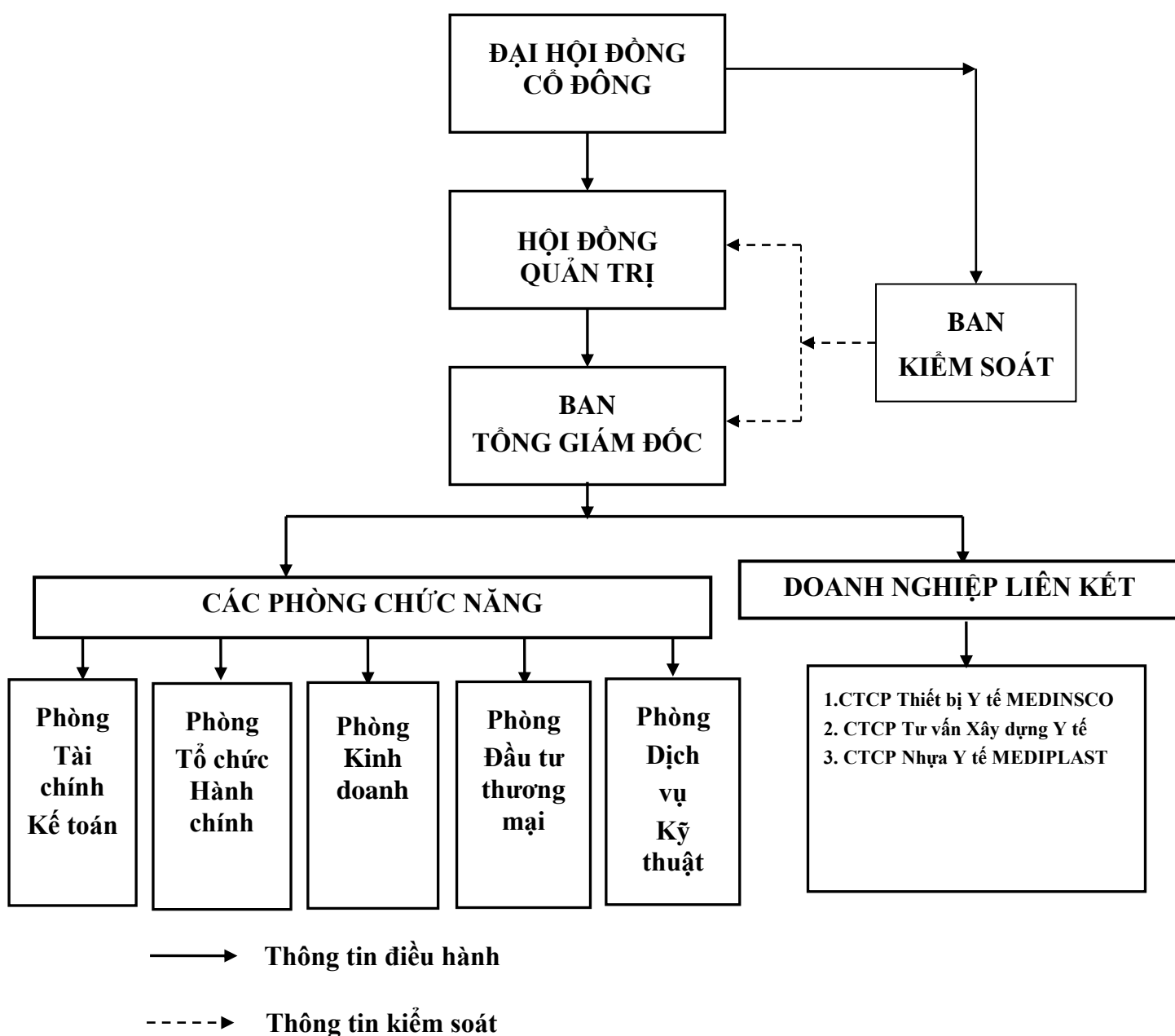
- Phòng Dịch vụ Kỹ thuật

Phòng Dịch vụ Kỹ thuật có chức năng tham mưu, giúp việc cho Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc về công tác kỹ thuật, công nghệ cụ thể: triển khai giám sát về kỹ thuật các sản phẩm; kết hợp với phòng Kinh doanh theo dõi, kiểm tra chất lượng, số lượng hàng hoá, vật tư khi mua vào hoặc xuất ra; kiểm tra, giám sát, nghiệm thu chất lượng sản phẩm.

▪ **Công ty liên kết:** 3 công ty

Sau khi chuyển sang hoạt động theo hình thức cổ phần, mô hình tổ chức của Tổng công ty Cổ phần Thiết bị Y tế Việt Nam được thể hiện ở sơ đồ sau:

**SƠ ĐỒ TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG
CỦA TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ Y TẾ VIỆT NAM**



4. Chiến lược phát triển sau cổ phần hóa

4.1. Cơ hội

- Nền kinh tế Việt Nam đang có dấu hiệu phục hồi tích cực, kể từ khi bị ảnh hưởng chung từ sự suy thoái nền kinh tế toàn cầu. Theo Tổng cục Thống kê Việt Nam, GDP năm 2014 tăng 5,98% so với cùng kỳ, CPI tháng 12/2014 tăng 1,84% so với tháng 12/2013, mặt bằng lãi suất huy động và cho vay giảm mạnh. Nền kinh tế phục hồi, thu nhập của người dân tăng lên là các yếu tố thúc đẩy nhu cầu tiêu dùng, sử dụng trang thiết bị y tế gia tăng. Điều này sẽ giúp cho hoạt động kinh doanh của Tổng công ty được cải thiện.
- Phát huy những thành quả đạt được và bài học kinh nghiệm của các đơn vị là thành viên của Tổng công ty đã cổ phần hóa, Tổng công ty sẽ thay đổi phương thức quản lý doanh nghiệp tạo nên một mô hình với một diện mạo mới.
- Mô hình Tổng công ty cổ phần sẽ giúp cho đơn vị có được sự chủ động trong việc hoạch định cũng như thực hiện các chiến lược phát triển của mình, đồng thời tăng cường tính linh hoạt, khả năng phản ứng nhanh nhạy trong quản trị, điều hành nhằm thích ứng với sự biến động không ngừng của tình hình kinh tế xã hội
- Bên cạnh đó, với lợi thế là Tổng công ty cổ phần, Tổng công ty có nhiều cơ hội thuận lợi trong việc huy động vốn khi có các dự án đầu tư hiệu quả với thời gian huy động vốn nhanh.
- Nhà nước đã có những ưu tiên phát triển ngành y tế thông qua chủ trương xã hội hóa về y tế và Chính phủ đã ban hành Chính sách quốc gia về trang thiết bị y tế, đầu tư cho y tế bằng nguồn trái phiếu Chính phủ.

4.2. Thách thức

- Các doanh nghiệp khác gia nhập ngành ngày càng gia tăng, mức độ cạnh tranh trong lĩnh vực kinh doanh cung cấp trang thiết bị y tế ngày càng gay gắt.
- Tổng Công ty thiếu nền tảng về cơ sở vật chất và công nghệ để tự sản xuất trang thiết bị y tế. Hoạt động kinh doanh hiện nay vẫn chủ yếu là mại thương mại.
- Người mua chủ yếu là Bệnh viện và các cơ sở y tế thông qua kết quả đấu thầu hàng năm, do vậy: giá bán khó thay đổi, thanh toán sau khi giao hàng ít nhất là 1-2 tháng, trong khi nguồn nguyên liệu phần lớn là nhập khẩu thường bị ảnh hưởng khi biến động tỷ giá ngoại tệ.

- Đội ngũ cán bộ kinh doanh còn thiếu và chưa đủ mạnh. Do đó, Tổng Công ty chưa làm tốt khâu phát triển thị trường cho các kênh phân phối ngoài y tế, thị trường xuất khẩu, sản phẩm có nhu cầu tiêu thụ lớn trong cộng đồng, có lợi thế cạnh tranh cao.
- Chưa thật sự nhạy bén trong việc chọn lựa sản phẩm chủ lực để mang lại hiệu quả kinh doanh cao hơn.

4.3. Định hướng phát triển sau cổ phần hóa

Sau khi Tổng công ty chuyển sang hoạt động theo mô hình Tổng công ty cổ phần, Tổng công ty sẽ tập trung thực hiện theo các định hướng phát triển như sau:

- Thực hiện đổi mới công tác quản lý theo mô hình Tổng công ty cổ phần để nâng cao sức cạnh tranh và hiệu quả kinh doanh.
- Tập trung đầu tư phát triển nguồn nhân lực, xây dựng đội ngũ cán bộ có tính chuyên nghiệp cao trong các lĩnh vực hoạt động, sử dụng và phát huy có hiệu quả nguồn lực tài chính và con người. Trong đó, Tổng Công ty chú trọng hàng đầu việc thu hút đội ngũ cán bộ kinh doanh giỏi, năng động để đẩy mạnh việc mở rộng và phát triển thị trường cung cấp trang thiết bị y tế.
- Việc phát triển thị trường được ưu tiên hàng đầu. Với sự góp sức của các cổ đông chiến lược, Tổng Công ty sẽ nâng cao năng lực để đảm bảo đáp ứng các điều kiện tham gia đấu thầu.
- Trong quá trình hoạt động, Tổng công ty cổ phần sẽ nghiên cứu thị trường, lựa chọn thời điểm thích hợp để đầu tư xây dựng Nhà máy sản xuất Trang thiết bị y tế thông dụng, vật tư tiêu hao phục vụ ngành Y tế và xuất khẩu. Đầu tư từng bước để sản xuất và cung ứng đủ nhu cầu trong nước về trang thiết bị nội thất bệnh viện, các thiết bị y tế thông dụng phục vụ y tế cơ sở, chương trình dân số - kế hoạch hoá gia đình, chăm sóc sức khỏe ban đầu, dụng cụ sử dụng một lần và các trang thiết bị phục vụ y tế học đường và gia đình.

5. Phương án sử dụng lao động

Nhằm nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp, phát huy được năng lực của người lao động sau khi chuyển sang loại hình Công ty cổ phần; dựa trên cơ sở hiện trạng đội ngũ lao động hiện có của doanh nghiệp, nhu cầu lao động dự kiến của Công ty giai đoạn sau cổ phần hóa và các quy định của pháp luật về lao động, Công ty dự kiến sẽ tiến hành phương án sắp xếp lại lao động như sau:

STT	Nội dung	Tổng số
1	Tổng số lao động tại thời điểm công bố giá trị doanh nghiệp cổ phần hóa	15
1	Lao động không thuộc diện ký HĐLĐ (Thành viên HĐQT, Chủ tịch HĐQT, Chủ tịch Công ty, thành viên chuyên trách Ban kiểm soát, TGD, P.TGD, KTT)	04
2	Lao động làm việc theo HĐLĐ	11
	a) Lao động làm việc theo HĐLĐ không xác định thời hạn	04
	b) Lao động làm việc theo HĐLĐ xác định thời hạn từ đủ 12 tháng đến 36 tháng	07
	c) Lao động làm việc theo mùa vụ hoặc một công việc nhất định dưới 03 tháng	0
3	Lao động đang nghỉ việc nhưng có tên trong danh sách lao động của công ty	0
II	Số lao động sẽ nghỉ việc tại thời điểm công bố giá trị doanh nghiệp cổ phần hóa	0
1	Số lao động đủ điều kiện nghỉ hưu theo chế độ hiện hành	0
2	Số lao động sẽ chấm dứt HĐLĐ	0
	a) Hết hạn HĐLĐ	0
	b) Tự nguyện chấm dứt HĐLĐ	0
	c) Chấm dứt HĐLĐ với lý do khác theo quy định của pháp luật	0
3	Số lao động không bố trí được việc làm tại thời điểm công bố giá trị doanh nghiệp, chia ra:	0
	a) Số lao động dôi dư thực hiện theo NĐ số 63/2015/NĐ/CP	0
	b) Số lao động phải chấm dứt HĐLĐ và trả trợ cấp mất việc làm	0
	c) Số lao động là viên chức quản lý thực hiện theo NĐ 108/2014/NĐ-CP về chính sách tinh giản biên chế	0
III	Số lao động sẽ chuyển sang làm việc tại công ty cổ phần	15
1	Số lao động mà HĐLĐ còn thời hạn	14
2	Số lao động nghỉ hưởng chế độ BHXH	0
	a) Ốm đau	0
	b) Thai sản	0
	c) Tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp	0
3	Số lao động đang tạm hoãn thực hiện lao động	0
	a) Nghĩa vụ quân sự	0
	b) Nghĩa vụ công dân khác	0
	c) Bị tạm giam, tạm giữ	0
	d) Do hai bên thỏa thuận (không quá 03 tháng)	0

Ghi chú: Khoản 1 mục III không bao gồm khoản 3 mục III

Số lao động tại thời điểm công bố giá trị doanh nghiệp là: 15 người, số lao động chuyển sang Tổng công ty cổ phần là: 14 người.

Lý do: Ông Ngô Ngọc Đức là Phó tổng giám đốc có đơn xin thôi việc từ ngày 01/11/2015. Tổng công ty đã báo cáo Bộ Y tế giải quyết theo nguyện vọng của ông Ngô Ngọc Đức, mọi chế độ của ông Ngô Ngọc Đức sẽ được giải quyết theo Quy định hiện hành.

Kế hoạch xử lý lao động dôi dư

Công ty không có lao động dôi dư.

Kế hoạch đào tạo lại

- Số lao động đào tạo lại: 0 người
- Dự toán chi phí đào tạo lại: 0 đồng

6. Kế hoạch đầu tư

Dự kiến sau cổ phần hoá, Công ty sẽ thực hiện việc đầu tư xây dựng công trình Toà nhà VINAMED ngay tại địa chỉ trụ sở hiện nay để làm trụ sở văn phòng Tổng Công ty, thay thế cho toà nhà văn phòng hiện nay đã cũ và xuống cấp (xây dựng từ năm 1974). Chi tiết như sau:

- **Địa điểm đầu tư dự án:** Số 1 ngõ 135 phố Núi Trúc, phường Kim Mã, quận Ba Đình, Hà Nội
- **Diện tích lô đất:** 612m²
- **Diện tích sàn xây dựng:** 3.600m²
- **Tổng mức đầu tư:** 35.000.000.000 đồng, trong đó: Vốn tự có của doanh nghiệp: 15.000.000.000 đồng, vốn huy động (vay ngân hàng): 20.000.000.000 đồng
- **Thời gian đầu tư:** dự kiến năm 2016 đến năm 2018
- **Quy mô đầu tư:** Toà nhà VINAMED có 07 tầng nổi, 01 tầng mái, 01 tầng hầm cùng hệ thống trang thiết bị hiện đại đúng tiêu chuẩn để sử dụng làm Trụ sở văn phòng Tổng công ty.

7. Kế hoạch sản xuất kinh doanh 3 năm sau cổ phần hóa

Tổng Công ty xây dựng kế hoạch sản xuất kinh doanh 03 năm sau cổ phần hóa (giai đoạn 2016-2018) trên cơ sở các định hướng phát triển nêu trên. Chi tiết các chỉ tiêu như sau:

ĐVT: đồng

TT	Chỉ tiêu	Đvt	Thực hiện 2015	2016	2017	2018
1	Vốn điều lệ	Tr.đồng		88.000	88.000	88.000
2	Tổng số lao động	Người	15	17	19	20
3	Tổng quỹ lương	Tr.đồng	1.760	1.900	2.150	2300
4	Thu nhập bình quân 1 người/tháng	Tr.đồng/người /tháng	9,7	9,3	9,4	9,5
5	Tổng doanh thu	Tr.đồng	65.912	60.000	75.000	95.000
5.1	<i>Doanh thu kinh doanh thiết bị y tế</i>	<i>Tr.đồng</i>	<i>56.950</i>	<i>55.000</i>	<i>71.000</i>	<i>91.000</i>
5.2	<i>Doanh thu cho thuê nhà và dịch vụ</i>	<i>Tr.đồng</i>	<i>224</i>			
5.3	<i>Doanh thu hoạt động tài chính</i>	<i>Tr.đồng</i>	<i>8.575</i>	<i>5.000</i>	<i>4.000</i>	<i>4.000</i>
6	Tổng chi phí	“	61.566	53.500	67.300	85.700
7	Lợi nhuận trước thuế	„	4.346	6.500	7.700	9.300
8	Lợi nhuận sau thuế	Tr.đồng	4.346	5.950	6.886	8.240
9	Phân phối lợi nhuận					
	- Chia cổ tức	Tr.đồng		5.280	6.424	7.744
	- Trích quỹ khen thưởng phúc lợi (5% lợi nhuận sau thuế)	Tr.đồng		297,5	344,3	412
10	Tỷ lệ cổ tức/Vốn điều lệ	%		6,0	7,3	8,8

Nguồn: phương án CPH Vinamed, BCTC 2015 chưa được kiểm toán

Dự kiến sau cổ phần hoá, Công ty sẽ thực hiện việc đầu tư xây dựng công trình Toà nhà VINAMED ngay tại địa chỉ trụ sở hiện nay để làm trụ sở văn phòng Tổng Công ty, thay thế cho toà nhà văn phòng hiện nay đã cũ và xuống cấp (xây dựng từ năm 1974). Chi tiết như sau:

- **Địa điểm đầu tư dự án:** Số 1 ngõ 135 phố Núi Trúc, phường Kim Mã, quận Ba Đình, Hà Nội
- **Diện tích lô đất:** 612m²
- **Diện tích sàn xây dựng:** 3.600m²
- **Tổng mức đầu tư:** 35.000.000.000 đồng, trong đó: Vốn tự có của doanh nghiệp:

15.000.000.000 đồng, vốn huy động (vay ngân hàng): 20.000.000.000 đồng

- **Thời gian đầu tư:** dự kiến năm 2016 đến năm 2018
- **Quy mô đầu tư:** Toà nhà VINAMED có 07 tầng nổi, 01 tầng mái, 01 tầng hầm cùng hệ thống trang thiết bị hiện đại đúng tiêu chuẩn để sử dụng làm Trụ sở văn phòng Tổng công ty.

8. Biện pháp thực hiện

▪ Về tổ chức, quản lý

- Sau khi cổ phần hóa, Tổng Công ty sẽ chủ động sắp xếp lại mô hình tổ chức hoạt động cho phù hợp với mô hình Công ty cổ phần, hoạt động kinh doanh của Công ty tuân thủ theo quy định của Luật Doanh nghiệp và các quy định hiện hành đối với Công ty cổ phần.
- Đổi mới công tác quản trị doanh nghiệp nhằm tăng năng suất và hiệu quả làm việc của cán bộ công nhân viên.
- Nhân sự là nhân tố chính ảnh hưởng đến kết quả sản xuất kinh doanh, do đó Công ty sẽ nghiên cứu xây dựng quy chế trả lương, thưởng cho cán bộ công nhân viên đảm bảo phân phối đúng với năng lực, trình độ và hiệu suất công tác của từng cán bộ công nhân viên với công việc được giao. Trong đó ưu tiên hàng đầu là tuyển dụng đội ngũ phát triển kinh doanh.

▪ Về kinh doanh:

- Quảng bá thương hiệu rộng rãi hơn nữa, tích cực tham gia đấu thầu để tìm kiếm các hợp đồng mới, kể các dự án của đối tác nước ngoài.
- Phát triển các thị trường mới để đẩy mạnh mảng thương mại cung cấp trang thiết bị y tế.
- Hợp tác kinh doanh với các đối tác, tận dụng lợi thế về vị trí đất của Tổng Công ty để gia tăng hiệu quả hoạt động.

▪ Về tài chính:

- Tổng Công ty rà soát lại các nguồn vốn để xây dựng kế hoạch sử dụng vốn trong thời gian tới để đảm bảo vốn cho hoạt động kinh doanh, đầu tư. Tăng cường công tác kiểm tra, kiểm soát tình hình quản lý tài chính kế toán, củng cố hoàn thiện bộ máy kế toán để quản lý tốt nguồn vốn của Tổng công ty cổ phần, thực hiện nghiêm chỉnh quy chế tài chính của Công ty.
- Thực hiện các giải pháp nâng cao năng lực tài chính của Tổng công ty cổ phần

để có được tình hình tài chính lành mạnh, cân đối và sử dụng vốn vay để đầu tư một cách hiệu quả nhất.

- Quản lý hiệu quả phần vốn góp đầu tư của Tổng Công ty tại các công ty liên kết và các khoản đầu tư tài chính dài hạn khác.
- Tổ chức hạch toán phù hợp nhằm xây dựng các dữ liệu thống kê các chỉ tiêu kinh tế - tài chính và cân đối đồng bộ thu chi nhằm phát huy tối đa hiệu quả sản xuất kinh doanh.

PHẦN VI THÔNG TIN VỀ ĐỢT CHÀO BÁN

I. PHƯƠNG THỨC CHÀO BÁN CỔ PHẦN

1. Đối tượng mua cổ phần

Theo Điều 6 của Nghị định 59/2011/NĐ-CP ngày 18/07/2011 của Chính phủ, đối tượng mua cổ phần lần đầu bao gồm:

- Các nhà đầu tư chiến lược (đảm bảo thỏa mãn tiêu chí nhà đầu tư chiến lược do cơ quan có thẩm quyền phê duyệt).
- Cán bộ công nhân viên mua cổ phần ưu đãi theo thâm niên làm việc trong khu vực nhà nước và mua theo cam kết làm việc lâu dài tại Tổng Công ty.
- Công đoàn Tổng Công ty.
- Các nhà đầu tư trong nước và nước ngoài tham gia đấu giá mua cổ phần.
- Các nhà đầu tư nước ngoài được mua tối đa 49% vốn điều lệ của công ty cổ phần.

2. Phương thức chào bán

❖ Cổ phần bán cho CBCNV

Người lao động có tên trong danh sách thường xuyên của doanh nghiệp tại thời điểm công bố giá trị doanh nghiệp được mua cổ phần theo hai hình thức sau:

Gồm 2 hình thức chi tiết như sau:

2.1. Cổ phần CBCNV mua theo tiêu chuẩn thâm niên làm việc trong khu vực Nhà nước

Theo quy định tại Khoản 1 Điều 48 Nghị định số 59/2011/NĐ-CP ngày 18/7/2011 của Chính phủ về chuyển doanh nghiệp 100% vốn Nhà nước thành Công ty cổ phần thì giá bán cổ phần cho người lao động trong trường hợp này là “*giá bán bằng 60% giá đấu thành công thấp nhất (trường hợp đấu giá công khai trước) hoặc bằng 60% giá bán thành công thấp nhất cho các nhà đầu tư chiến lược (đối với trường hợp bán cho nhà đầu tư chiến lược trước)*”.

- Tổng số CBCNV có tên trong danh sách lao động Công ty ngày 14/09/2015 là:

15 người;

- Tổng số CBCNV được mua cổ phần theo tiêu chuẩn thâm niên làm việc trong khu vực Nhà nước: **14 người.**

- Tổng số năm công tác toàn bộ số CBCNV được mua cổ phần theo tiêu chuẩn thâm niên làm việc trong khu vực Nhà nước: **172 năm.**

Danh sách CBCNV mua cổ phiếu theo tiêu chuẩn thâm niên làm việc trong khu vực Nhà nước theo Phụ lục đính kèm.

Theo đó, tổng số cổ phần CBCNV được mua theo quy định của hình thức này là **17.200 cổ phần với tổng mệnh giá là 172.000.000 đồng chiếm 0,2% vốn điều lệ Công ty cổ phần.**

Thời gian thực hiện bán cổ phần cho CBCNV: Việc triển khai bán cổ phần cho CBCNV sẽ thực hiện sau khi bán cổ phần cho nhà đầu tư chiến lược.

Giá bán cho người lao động: Bằng 60% giá bán thành công thấp nhất cho nhà đầu tư chiến lược.

2.2. Cổ phần CBCNV mua theo đăng ký cam kết làm việc lâu dài tại Công ty cổ phần

Công ty không có CBCNV mua cổ phần theo đăng ký cam kết làm việc lâu dài tại Công ty cổ phần quy định tại Khoản 2 Điều 48 Nghị định số 59/2011/NĐ-CP ngày 18/07/2011 của Chính phủ về chuyển doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thành công ty cổ phần.

❖ **Cổ phần bán ưu đãi cho Tổ chức Công đoàn**

Căn cứ theo Công văn số 19/CĐ-TCT ngày 05/10/2015 của Ban chấp hành Công đoàn Công ty TNHH MTV Tổng công ty Thiết bị Y tế Việt Nam, Tổ chức Công đoàn không đăng ký mua cổ phần khi Công ty cổ phần hóa.

❖ **Cổ phần bán cho nhà đầu tư chiến lược**

Tổng số cổ phần bán cho nhà đầu tư chiến lược là **3.500.000 cổ phần**, tương ứng **35.000.000.000 đồng chiếm 39,77%** vốn điều lệ của Công ty cổ phần.

• **Tiêu chí lựa chọn nhà đầu tư chiến lược:**

Căn cứ Quyết định 473/QĐ – BYT ngày 11/02/2016 của Bộ Y tế về việc phê duyệt tiêu chí lựa chọn nhà đầu tư chiến lược, giá khởi điểm bán đấu giá cổ phần lần đầu khi cổ phần hóa Công ty TNHH một thành viên Tổng công ty Thiết bị y tế Việt Nam với các tiêu chí lựa chọn như sau:

1. Là Nhà đầu tư hoạt động cùng ngành nghề kinh doanh chính của Tổng công ty Thiết bị y tế Việt Nam, có tối thiểu 5 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực sản xuất, kinh doanh trang thiết bị, vật tư y tế; có quyền phân phối độc quyền thiết bị, vật tư y tế tại Việt Nam cho các hãng thuộc các nước trong khối G7
2. Là Nhà đầu tư có năng lực về Tài chính và kết quả Kinh doanh thể hiện trong báo cáo Tài chính đã được kiểm toán gần nhất, đáp ứng các chỉ tiêu sau:
 - + Vốn chủ sở hữu tối thiểu 35 tỷ đồng (Ba mươi lăm tỷ đồng) và không bao gồm

chỉ tiêu lợi nhuận chưa phân phối,

+ Tổng tài sản tối thiểu 150 tỷ đồng (Một trăm năm mươi tỷ đồng)

+ Doanh thu tối thiểu 400 tỷ đồng (Bốn trăm tỷ đồng)

+ Hoạt động kinh doanh có lãi trong 3 năm 2012, 2013, 2014 và không có lỗ lũy kế, có báo cáo quyết toán thuế trong năm 2014.

3. Nhà đầu tư phải đáp ứng các điều kiện sau:

+ Thực hiện ký quỹ hoặc có bảo lãnh thanh toán của ngân hàng đối với số tiền mua cổ phần.

+ Cam kết bằng văn bản về việc không chuyển nhượng cổ phần trong thời gian tối thiểu 05 năm kể từ ngày Tổng công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần đầu theo mô hình công ty cổ phần.

+ Cam kết bằng văn bản về việc mua hết số lượng cổ phần đăng ký mua.

+ Cam kết bằng văn bản về việc gắn bó lợi ích lâu dài với Tổng công ty, có phương án hỗ trợ doanh nghiệp mở rộng thị trường, nâng cao năng lực tài chính, quản trị doanh nghiệp; chuyển giao, ứng dụng công nghệ mới và đào tạo nguồn nhân lực trong lĩnh vực Thiết bị y tế; nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh và sức cạnh tranh của doanh nghiệp trong lĩnh vực sản xuất, kinh doanh trang thiết bị, vật tư y tế.

• **Phương thức bán và Giá cổ phần chào bán cho nhà đầu tư chiến lược:**

Căn cứ Điểm a Khoản 4 Điều 5 Thông tư 196/2011/TT-BTC, Tổng Công ty đề xuất phương án chào bán cổ phần cho nhà đầu tư chiến lược như sau:

- Thời điểm bán cổ phần cho nhà đầu tư chiến lược: Việc chào bán cổ phần cho nhà đầu tư chiến lược được thực hiện trước khi bán đấu giá công khai.
- Phương thức bán cổ phần: Việc bán cổ phần cho Nhà đầu tư chiến lược có các phương thức sau:
 - Tổ chức đấu giá: Áp dụng trong trường hợp: (1) Có trên 03 Nhà đầu tư chiến lược đăng ký tham gia mua cổ phần, hoặc (2) Có tối đa 03 Nhà đầu tư đăng ký mà tổng số cổ phần đăng ký mua lớn hơn số cổ phần bán ra cho Nhà đầu tư chiến lược.
 - Thỏa thuận trực tiếp: Áp dụng trong trường hợp có tối đa 03 Nhà đầu tư đăng ký mua, tổng số cổ phần đăng ký mua tối đa bằng số cổ phần bán cho Nhà đầu tư chiến lược.

- Giá bán cổ phần cho nhà đầu tư chiến lược: là giá bán do Ban chỉ đạo cổ phần hóa thỏa thuận (đối với trường hợp bán thỏa thuận) hoặc giá nhà đầu tư chiến lược đặt mua được xác định là trúng thầu của cuộc đấu giá giữa các nhà đầu tư chiến lược (đối với trường hợp bán đấu giá giữa các nhà đầu tư chiến lược) nhưng không thấp hơn giá khởi điểm được phê duyệt.
- Tiền đặt cọc: Nhà đầu tư chiến lược sẽ tiến hành đặt cọc ngay sau khi phương án cổ phần hóa được phê duyệt. Số tiền nhà đầu tư chiến lược phải đặt cọc tương ứng với 10% giá trị cổ phần đăng ký mua theo giá khởi điểm được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

- **Quy định về hạn chế chuyển nhượng:**

Theo quy định tại Tiết c, Khoản 3, Điều 6, Nghị định 59/2011/NĐ-CP ngày 18/07/2011 của Chính phủ thì : “Nhà đầu tư chiến lược không được chuyển nhượng số cổ phần mua trong thời hạn tối thiểu 05 năm, kể từ ngày công ty cổ phần được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần đầu hoạt động theo Luật Doanh nghiệp. Trường hợp đặc biệt cần chuyển nhượng số cổ phần này trước thời hạn trên thì phải được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận”.

- **Danh sách nhà đầu tư chiến lược**

Sau khi tiêu chí lựa chọn nhà đầu tư chiến lược được phê duyệt, Tổng Công ty sẽ thực hiện các thủ tục mời các nhà đầu tư chiến lược đáp ứng được các tiêu chí tham gia mua cổ phần của Tổng Công ty.

Trên cơ sở hồ sơ đăng ký của các nhà đầu tư chiến lược, Tổng Công ty sẽ tổng hợp để báo cáo Ban chỉ đạo cổ phần hóa và trình cấp có thẩm quyền phê duyệt danh sách nhà đầu tư chiến lược tham gia mua cổ phần của Tổng Công ty.

- ❖ **Cổ phần bán đấu giá công khai ra bên ngoài**

Số cổ phần thực hiện bán cho các nhà đầu tư bên ngoài như sau:

- Số cổ phần tổ chức bán đấu giá cho nhà đầu tư: **3.522.800 cổ phần** tương đương tổng mệnh giá là 35.228.000.000 đồng, chiếm 40,03% vốn điều lệ công ty cổ phần.
- Đối tượng tham gia đấu giá: Các nhà đầu tư cá nhân, nhà đầu tư tổ chức trong nước và ngoài nước theo quy định của pháp luật (Theo quy định tại Điều 6 Nghị định 59/2011/NĐ-CP ngày 18/07/2011 của Chính phủ).
- Giá khởi điểm: Căn cứ kết quả xác định giá trị doanh nghiệp, tiềm năng của Tổng Công ty, tình hình thị trường chứng khoán Việt Nam nói chung và đề xuất của đơn

vị tư vấn, Tổng Công ty đề xuất mức giá khởi điểm là 10.000 đồng/cổ phần.

Cơ sở của việc Tổng Công ty đề xuất mức giá khởi điểm nêu trên:

Đề xuất giá khởi điểm của đơn vị tư vấn: Căn cứ Báo cáo xác định giá khởi điểm của đơn vị tư vấn Công ty TNHH MTV Chứng khoán Ngân hàng Đông Á (DAS), DAS đưa ra đề xuất mức giá khởi điểm là 10.000 đồng/cổ phần trên cơ sở tính toán mức giá khởi điểm theo phương pháp chiết khấu dòng cổ tức của công ty cổ phần sau khi cổ phần hóa.

Kết quả xác định giá trị doanh nghiệp: Giá trị thực tế phần vốn nhà nước tại thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp 31/12/2014 là 127.280.848.903 đồng, chênh lệch tăng 24.598.842.109 đồng so với giá trị sổ sách kế toán, tương ứng tăng khoảng 24%. Trong đó chủ yếu là chênh lệch tăng từ các khoản đầu tư tài chính dài hạn tại các công ty thành viên (tăng 22.685.054.385 đồng) và giá trị lợi thế kinh doanh (tăng 1.194.922.138 đồng).

Sự hấp dẫn của cổ phiếu với nhà đầu tư: Các nhà đầu tư tài chính tham gia vào các đợt IPO thường chủ yếu quan tâm đến các doanh nghiệp có tỷ suất lợi nhuận (ROA, ROE) vượt trội, tốc độ tăng trưởng ngành cao, các lợi thế về đất đai... Đối với Tổng Công ty, kết quả kinh doanh các năm trước cổ phần hóa khá thấp, tỷ suất ROE thấp hơn 5%, thị phần chiếm lĩnh còn rất thấp nên không thật sự hấp dẫn đối với các nhà đầu tư khi IPO.

Tình hình thị trường chứng khoán và kế hoạch IPO năm 2015: Trong năm 2015 hàng loạt doanh nghiệp nhà nước tiến hành IPO cũng như thực hiện thoái vốn các khoản đầu tư tài chính theo đề án tái cơ cấu. Do đó, nguồn cung cổ phần tương đối dồi dào, đa dạng. Trong khi tình hình thị trường chứng khoán trong năm 2015 được đánh giá khá ảm đạm so với năm 2014. Nhiều cuộc đấu giá cổ phần của các tổng công ty lớn không thành công như Tổng Công ty Thủy sản Việt Nam, Tổng Công ty Khoáng sản – Vinacomin, Tổng Công ty Công nghiệp mỏ Việt Bắc – Vinacomin, Tổng Công ty PISCO Bình Định... Do đó, trong bối cảnh hiện nay, Tổng Công ty cần lựa chọn mức giá khởi điểm hợp lý để thu hút các nhà đầu tư tham gia đấu giá, tăng khả năng thành công của đợt IPO.

Giá khởi điểm chính thức sẽ được xác định trong Quyết định phê duyệt phương án cổ phần hóa và chuyển Công ty TNHH MTV Tổng Công ty Thiết bị Y tế Việt Nam thành công ty cổ phần.

- Thời gian bán đấu giá: Sau khi có Quyết định phê duyệt Phương án cổ phần hoá

của Công ty TNHH MTV Tổng công ty Thiết bị Y tế Việt Nam.

- Cơ quan bán đấu giá cổ phần: Căn cứ Điều 7 Thông tư số 196/2011/TT-BTC ngày 26/12/2011, do giá trị cổ phần bán đấu giá của Tổng Công ty trên 10 tỷ đồng (tính theo mệnh giá) nên toàn bộ số cổ phần bán đấu giá sẽ được tổ chức bán tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội

3. Phương thức thanh toán và thời hạn thanh toán

- Đối với nhà đầu tư mua thông qua đấu giá: theo quy định tại “Quy chế đấu giá bán cổ phần lần đầu ra công chúng của Công ty TNHH MTV Tổng Công ty Thiết bị Y tế Việt Nam”.
- Đối với cán bộ công nhân viên: Sau khi tổ chức bán đấu giá thành công.

II. LOẠI CỔ PHẦN

Tất cả cổ phần của Tổng Công ty tại thời điểm thành lập là cổ phần phổ thông. Các hoạt động mua, bán, chuyển nhượng, thừa kế cổ phần được thực hiện theo quy định của Điều lệ tổ chức và hoạt động công ty cổ phần và quy định của pháp luật có liên quan.

III. QUẢN LÝ VÀ KẾ HOẠCH SỬ DỤNG SỐ TIỀN THU ĐƯỢC TỪ ĐỢT CỔ PHẦN HÓA

1. Chi phí cổ phần hóa

Căn cứ quy định tại Điều 12 Thông tư số 196/2011/TT-BTC ngày 26/12/2011, tổng mức chi phí cổ phần hóa tối đa đối với doanh nghiệp có giá trị doanh nghiệp trên sổ kế toán trên 100 tỷ đồng là không quá 500 triệu đồng.

Giá trị thực tế doanh nghiệp của Tổng công ty theo sổ sách vào thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp (30/12/2014) là 120.485.924.390 đồng, do đó, tổng chi phí cổ phần hóa của Tổng công ty theo quy định là 500.000.000 đồng. Chi phí cổ phần hóa sẽ được quyết toán trên cơ sở các chi phí thực tế sau khi kết thúc quá trình cổ phần hóa.

2. Số tiền thu được từ bán phần vốn nhà nước

Việc quản lý, sử dụng tiền thu từ cổ phần hóa thực hiện theo quy định tại Điều 42 của Nghị định 59/2011/NĐ-CP ngày 18/7/2011 của Chính Phủ và Mục III Thông tư số 196/2011/TT-BTC ngày 26/12/2011 của Bộ Tài chính.

Trên cơ sở giá trị thực tế phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp, tỷ lệ góp vốn của Nhà nước tại Công ty cổ phần, Tổng Công ty dự kiến kế hoạch thu tiền từ cổ phần hóa và

dự kiến kế hoạch hoàn vốn ngân sách Nhà nước, chi tiết như sau (tạm tính theo phương án giả sử tất cả số lượng cổ phần bán đấu giá được mua với giá khởi điểm 10.000 đồng và giá đấu bình quân là 10.000 đồng/cổ phần):

Đơn vị tính: đồng

TT	Khoản mục		Số tiền (đồng)
1	Vốn điều lệ Công ty cổ phần	(a)	88.000.000.000
2	Vốn Nhà nước thực tế tại doanh nghiệp sau khi đánh giá lại	(b)	127.280.848.903
3	Tiền thu từ cổ phần hoá	(c)	70.331.200.000
3.1	Thu từ bán cổ phần cho CBCNV		104.232.000
	+ Mua theo tiêu chuẩn thâm niên làm việc trong khu vực Nhà nước		104.232.000
	+ Mua theo đăng ký cam kết làm việc lâu dài tại Công ty cổ phần		0
3.2	Thu từ bán cổ phần cho công đoàn		0
3.3	Thu từ bán cổ phần cho nhà đầu tư chiến lược		35.000.000.000
3.4	Thu từ bán đấu giá ra bên ngoài		35.228.000.000
4	Giá trị mệnh giá cổ phần đã bán cho CBNV, nhà đầu tư chiến lược, bán đấu giá ra bên ngoài	(d)	70.400.000.000
5	Phần chênh lệch giữa giá trị thực tế phần vốn Nhà nước tại VINAMED và mức vốn điều lệ	(e) = (a) – (b)	-39.280.848.903
6	Chi phí cổ phần hoá đơn vị thực hiện	(f)	500.000.000
7	Chi phí giải quyết chính sách đối với lao động dôi dư	(g)	0
8	Phần thặng dư vốn để lại DN tương ứng tỷ lệ cổ phần phát hành thêm /Vốn điều lệ	(h)	0
Tổng số tiền hoàn vốn ngân sách Nhà nước		(c) – (e) – (f) – (g) – (h)	109.112.048.903

Công ty sẽ thực hiện hoàn vốn ngân sách nhà nước theo quy định sau khi hoàn tất việc bán cổ phần ra bên ngoài.

IV. PHÂN TÍCH CÁC RỦI RO DỰ KIẾN

1. Rủi ro về kinh tế

Sự ổn định và vững mạnh phát triển bền vững của nền kinh tế trong nước cũng như nền kinh tế thế giới là điều kiện hết sức quan trọng và cần thiết cho việc thực hiện mục tiêu phát triển của các doanh nghiệp nói chung và Công ty Cổ phần nói riêng.

Sự biến động của các chính sách tiền tệ trên thế giới trong giai đoạn hậu khủng hoảng tài chính năm 2008 bắt nguồn từ Mỹ, cuộc khủng hoảng chính trị - tài chính ở Hy Lạp, hay việc mở rộng biên độ dao động của tỷ giá ở Trung Quốc thời gian gần đây đã tác động khá lớn đến sự phát triển của hầu hết các nước trên thế giới. Ngoài ra, sự hồi phục kinh tế không đồng đều giữa các khu vực và chưa có dấu hiệu rõ nét khiến cho tình hình giá cả thị trường giao dịch các hàng hóa như cao su, dầu mỏ, khí đốt, ... biến động với biên độ rộng khiến môi trường hoạt động sản xuất kinh doanh tăng thêm độ rủi ro vốn có. Việt Nam đã từng bước hội nhập với quốc tế nên chịu ảnh hưởng không nhỏ từ sự biến động nền kinh tế thế giới.

Tuy nhiên, thời gian gần đây, nền kinh tế Việt Nam bắt đầu đã có những chuyển biến tích cực. Theo số liệu từ Tổng cục Thống kê công bố (26/06/2015), tổng sản phẩm trong nước (GDP) 6 tháng đầu năm 2015 ước tăng 6,28%, cao nhất so với cùng kỳ từ năm 2010. Trong đó, quý I tăng 6,08%, quý II tăng 6,44%. Theo số liệu công bố của Tổng cục Thống kê, chỉ số giá tiêu dùng cả nước (CPI) tháng 7/2015 tăng 0,13% so với tháng 6/2015, tăng 0,9% so với cùng kỳ năm trước và so với tháng 12/2014, CPI chỉ tăng 0,68%.

Ngoài ra, khi nền kinh tế phát triển ổn định, đời sống người dân được cải thiện thì nhu cầu của người dân đối với các dịch vụ chăm sóc sức khỏe sẽ được nâng lên đáng kể. Từ đó sẽ tác động tích cực đến các ngành nghề liên quan bao gồm dịch vụ y tế và cung cấp vật tư trang thiết bị y tế. Hoạt động của các doanh nghiệp trong lĩnh vực vật tư trang thiết bị y tế sẽ có triển vọng phát triển tốt hơn.

2. Rủi ro về luật pháp

Tính ổn định và thống nhất của hệ thống luật pháp sẽ tác động đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng Công ty cũng như của các doanh nghiệp khác. Đó là rủi ro pháp lý ở khía cạnh hệ thống, ảnh hưởng đến hầu hết các doanh nghiệp chịu sự điều chỉnh của pháp luật. Sự thay đổi này có thể mang đến những thuận lợi nhưng cũng có thể tạo ra những bất lợi cho hoạt động của Tổng Công ty.

Hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty chịu sự điều chỉnh của nhiều văn bản pháp luật khác nhau (*Luật doanh nghiệp, Luật đấu thầu, Luật Thương mại, ...*). Các sắc luật này sẽ tiếp tục được sửa đổi, bổ sung cho phù hợp với tình hình thực tế. Bất cứ sự thay đổi nào cũng sẽ tác động đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng Công ty.

Khả năng quản trị và kiểm soát hoạt động doanh nghiệp là một trong những yếu tố quan trọng góp phần hạn chế rủi ro pháp lý. Cùng với quá trình phát triển, Tổng Công ty

sẽ tiếp tục có cơ chế theo dõi, cập nhật và điều chỉnh để có sự thích nghi tốt nhất với sự thay đổi của môi trường pháp lý.

3. Rủi ro đặc thù

Sự gia nhập ngày càng nhiều các doanh nghiệp vào lĩnh vực thiết bị trang thiết bị y tế đã tạo ra sức ép cạnh tranh gay gắt đối với Tổng Công ty. Trong đó có các doanh nghiệp nước ngoài với quy mô lớn, tiềm lực tài chính mạnh, kinh nghiệm quản trị hiện đại. Sau cổ phần hoá, định hướng của Tổng Công ty là phải nâng cao năng lực cạnh tranh, tìm kiếm thị trường mới để nâng cao hiệu quả kinh doanh.

4. Rủi ro của đợt chào bán

Việc IPO cổ phiếu lần đầu của Tổng Công ty sẽ chịu ảnh hưởng từ tình hình thị trường chứng khoán và các đợt IPO của các doanh nghiệp khác. Các thông tin từ thị trường chứng khoán, kinh tế vĩ mô cũng sẽ ảnh hưởng đến tâm lý của nhà đầu tư và khả năng hấp thụ vốn của thị trường.

5. Rủi ro khác

Bên cạnh các rủi ro hệ thống và rủi ro cá biệt như trên, Tổng Công ty cũng như các đơn vị kinh tế khác, sẽ chịu ảnh hưởng và bị tổn thất trong trường hợp xảy ra các rủi ro bất khả kháng như: thiên tai (bão, lụt, động đất,...), hỏa hoạn,...

V. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN**1. Ban chỉ đạo cổ phần hóa**

- Ông Lê Thành Công Phó Vụ trưởng Vụ Kế hoạch-Tài chính – Trưởng ban
- Ông Trần Viết Hùng Phó Vụ trưởng Vụ Tổ chức Cán bộ – Phó trưởng ban;
- Ông Nguyễn Minh Tuấn Vụ trưởng Vụ Trang Thiết bị và Công trình Y tế – Thành viên;
- Bà Quách Thị Thu Phó Trưởng phòng Nghiệp vụ 4, Cục tài chính doanh nghiệp, Bộ Tài chính – Thành viên;
- Ông Trịnh Văn Mạo Chủ tịch/Tổng Giám đốc Tổng Công ty Thiết bị Y tế Việt Nam – Thành viên;
- Ông Khuất Hữu Tâm Phó Trưởng phòng Đầu tư, Vụ Kế hoạch – Tài chính, Bộ Y tế - Thành viên;
- Bà Hoàng Thị Thanh Nhàn Chuyên viên Vụ Tổ chức Cán bộ – Thành viên.

2. Doanh nghiệp cổ phần hóa: Công ty TNHH MTV Tổng công ty Thiết bị y tế Việt nam

- Ông Trịnh Văn Mạo Chủ tịch kiêm Tổng giám đốc
- Bà Nguyễn Thị Hằng Kế toán trưởng

VI. CAM KẾT

Việc đánh giá, lựa chọn thông tin và ngôn từ trong Bản công bố thông tin này được thực hiện một cách hợp lý và cân trọng dựa trên các số liệu và phương án cổ phần hóa đã được duyệt của Công ty TNHH MTV Tổng Công Ty Thiết Bị Y Tế Việt Nam. Chúng tôi cung cấp thông tin với mục đích giúp nhà đầu tư có được những nhận định đúng đắn và khách quan trước khi tham dự đấu giá mua cổ phần của Công ty TNHH MTV Tổng Công Ty Thiết Bị Y tế Việt Nam.

Chúng tôi kính mong các nhà đầu tư tham khảo kỹ Bản công bố thông tin này trước khi quyết định tham gia đấu giá cổ phần của Công ty TNHH MTV Tổng Công Ty Thiết Bị Y Tế Việt Nam.

Chúc các nhà đầu tư tham dự buổi đấu giá thành công.

Xin trân trọng cảm ơn.

**BAN CHỈ ĐẠO CỔ PHẦN HÓA
TRƯỞNG BAN**

Hà Nội, ngày tháng 03 năm 2016
**CÔNG TY TNHH MTV TỔNG CÔNG TY
THIẾT BỊ Y TẾ VIỆT NAM
GIÁM ĐỐC**

Lê Thành Công

Trịnh Văn Mạo